



Tranh của Phật tử họa tranh con dân tranh 14' x 41' của họa sĩ NGUYỄN VIỆT HÙNG

PHẬT GIÁO VIỆT NAM, ĐÔI ĐIỀU TRÔNG THẤY TỪ XA

TRẦN KIÊM ĐOÀN



Thế giới đang trải qua một cuộc "cách mạng ào mà thật". Đó là bước tiến đầy bất ngờ của mạng lưới truyền thông đại chúng qua hệ thống truy cập toàn cầu của

xem tiếp trang 4

TÂM BÚT

BUỔI CHIỀU TRÊN NGHĨA ĐỊA HÀNG DƯƠNG

TRẦN TRUNG ĐẠO



Một ngày hè như thế này 29 năm trước, người anh cùng số karm và cùng cung quẻ Đà Nẵng ghé qua hỏi tôi có thích đi Côn Đảo một chuyến với anh. Không giống như khi được các anh chị khác rủ đi thăm miền bắc trong những lần họ nghỉ phép về thăm nhà mà tôi đã từ chối trước đây, Côn Đảo có một

xem tiếp trang 13

THUYỀN NGƯỢC BẾN KHÔNG

TUỆ SỸ

Ba chục năm, một nửa theo Cha, một nửa theo Mẹ. Nhưng huyền thoại của nhà thơ này vẫn còn quên một số anh em trở thành côi cút. Cha thì ở đâu không thấy, mà tự thân thì bị ruồng rẫy bởi chính anh em mình ngay trên đất Mẹ. Không Cha, cũng không Mẹ, ta đi tìm dấu tích Trường sơn, "Quê người trên đỉnh Trường sơn. Cho ta gói một nôi hờn thiên thu." Tôi không nói đến hận thù. Nhưng một nỗi oán khiến nào đó, khiến cho lời nói của mình như trong cơn mê sảng.

xem trang 3

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

HUYỀN KIM QUANG

A. DẪN NHẬP

Có một sự thật mà nhưng ai hằng quan tâm đến nền văn học Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước đều thấy rõ, đó là sự thiếu vắng một cách đáng quan ngại bộ phận nghiên cứu và phê bình văn học Phật giáo

Việt Nam. Thiếu vắng chứ không phải là hoàn toàn không có. Bởi vì gần đây trong và ngoài nước cũng đã có một ít công trình thuộc lãnh vực này, chẳng hạn bộ Tổng Tập Văn Học Phật giáo Việt Nam của Giáo sư Lê Mạnh Thát (chưa hoàn tất), một vài bài tổng luận về văn học

Phật giáo của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, v.v... Nhưng, nếu so với quá trình sáng tác, phiên dịch suốt bao nhiêu thế hệ tăng, ni và cư sĩ Phật giáo với hàng ngàn sáng tác phẩm lớn nhỏ trong lãnh vực văn học thì quả thật chúng ấy công trình văn còn quá ít!

xem tiếp trang 6

THƯỜNG BẤT KHINH BỒ-TÁT

ĐO HỒNG NGỌC



Không phải tự dưng mà Pháp Hoa ở phẩm Thường Bất Khinh này ta gặp Đại Thế Chí Bồ-tát và Phật Oai Âm Vương.

Đại Thế Chí, cũng gọi là Đại Tinh Tấn hay Đắc Đại Thế Bồ tát biểu trưng cho ánh sáng tri

xem tiếp trang 4

SUY NGHĨ VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM

VĨNH HÀO



Đây là điều người viết từng ưu tư khi nhìn lại quang đường trên một phần tư thế kỷ của nền

xem tiếp trang 5

CRUELLY GO ROUND PHƠI LÒNG TRẮC ẨN NHÂN GIAN

UYÊN NGUYỄN:

CẢM NHẬN KHI XEM TRANH "NHÂN-QUẢ ĐÓNG THỜI" CỦA HỌA SĨ NGUYỄN VIỆT HÙNG - P.9.21





LÝ TƯỜNG BỒ TÁT ĐẠO

Hòa thượng **THÍCH MÂN GIÁC**

Lý tường thực hành đạo-đức của Bồ tát không nhưng chỉ đặt tương quan giữa người và người, tức mình và chung sanh, mà lại luôn luôn không bao giờ bỏ qua cái nhìn vào trong tận cùng thực thể của chính mình và tất cả. Ta có thể nói lý tường ấy đặt mọi tương quan trên căn bản Không. Kinh Kim Cang thường lặp đi lặp lại câu: Bồ-tát tức phi Bồ-tát, thị danh Bồ-tát, chung sanh tức phi chung sanh, thị danh chung sanh. ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm có thể nói là nhận căn bản cho lý tường thực hành của Bồ-tát Đạo.

Nhận thức của Bồ-tát không đóng khung trong những phạm trù tri thức, của nhân quả vượt qua những giới hạn thời gian và không gian. Lý tường đó bao hàm một manh lực phi thường và vĩ đại. Khi một vị Bồ-tát phát nguyện "Chung sanh độ tận, phương chứng Bồ-đế, địa ngục vị không, thệ bất thành Phật", thời gian không giới hạn trong hai đầu sống và chết của một cuộc đời, nó chạy dài vô tận trong triệu kiếp thừa suốt đến tận cùng thập phương thế giới. hành động nhưng không bị đắm trước và hành động, không bị gò bó bởi kết quả nó vượt hẳn mọi phê phán thế gian, nhưng vẫn lăn tròn trong kiếp sống bị thấm của chung sanh. Kinh Duy Ma Cật nói: "chung sanh bệnh là Bồ-tát bệnh"

Trong giai đoạn đầu của tư tưởng Phật giáo, Bồ-tát chỉ là mô hình cho đức Thích Ca trước khi thành đạo với những tiền kiếp xa xăm, trải qua trong mọi hình thái chung sanh, hoặc chu Thiên (Thiên thân), hoặc chung sanh, hoặc ở địa ngục, tất cả đều nói lên lý tường mãnh liệt phi thường của một chung sanh. Với tất cả yếu đuối vô cùng và dòng mãnh vô cùng trong suốt lộ trình đi tìm chân lý.

Và lại, dù trong Tiểu thừa, người ta đã công nhận có vô số vị Phật trong thế giới đa thành đạo, đang thành đạo và sẽ thành đạo. Đại thừa Giáo đã nói: "Bồ-tát trưởng phụ nữ diệc nhĩ" (kể đó đó là con người dòng máu thì ta cùng thế). Vì vậy, họ đã chọn con đường lý tường của Bồ-tát, con đường đó mang đầy bi tráng, bi tráng không giới hạn trong một thời gian nào mà là một sự quyết tâm chịu đựng qua triệu kiếp và qua triệu thế giới, qua triệu hình thái chung sanh.

Bồ-tát không mang một máu người siêu việt nào cả, là một con người thế tục mà ta đang hiểu, nhưng với một tinh thần siêu vượt, một lý tường phi thường. Bồ-tát cũng có thể thác sinh ở một địa vị thấp hơn của chung sanh, trừ ngoại một điểm từ-bồ-đế ra chẳng có gì xa lạ với phạm phu tục tử. Do đó, không phải Bồ-tát, không bao giờ phạm tội ác. Mặc dù tạo ác nghiệp dù dột, sa đọa vào tận A-tỳ, nhưng lý tường tối hậu vẫn không bao giờ gián đoạn, dù ở A-tỳ hay ở trên Thiên đường tối cao, Bồ-tát không nhận thấy có sự khác biệt nào giữa khổ đau và hạnh phúc. Con đường thể hiện lý tường của Bồ-tát thật giản dị, không bị cấu trúc trong một ước lệ nào cả. Thiên đường ư? cùng thế. Địa ngục ư? cùng thế. Chỉ có làm hay không làm, không có vấn đề muốn hay không muốn làm. Cho nên hạnh của Bồ-tát là không có hạnh nào nhưng là muốn hạnh. Dù thế, người ta vẫn qui định 6 Ba-la-mật như là hạnh nguyện đạo đức căn bản của Bồ-tát.

Sáu ba-la-mật ấy là: Bố thí, tri giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Muốn biết sáu chung ta có thể đọc thêm Kinh Kim Cang, hay Tám Kinh Bát Nhã, sẽ thấy rõ tinh thần hành động phi thường của lý tường Bồ-tát đạo qua lộ trình đạo đức Phật giáo.

hoadàm

Chứng minh Đạo tràng:
THÍCH PHỔ HÒA*
TÂM HUỆ CAO CHÁNH HUY*
TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC*
TÂM HÒA NGÔ MẠNH THỤ*
NGUYỄN HIỀN NGUYỄN TỬ ĐẠI*
MINH TÍN ĐỒ VĂN PHỐ*
ĐỨC CHÂU VŨ NGỌC KHUÊ*

THÍCH TỬ LỤC
NGUYỄN MÂN LÊ VIỆT LÂM

Nhất tâm:

TRÌNH THANH THỦY • LÊ GIANG TRẦN •
ĐÌNH NGUYỄN • HOÀNG LONG • TÂM TRÍ
NGUYỄN QUANG VUI • TÂM ĐĂNG NGUYỄN
VĂN PHÁP • ĐỒNG TRÚC THÁI VĂN BÀ •
TÂM NGHĨA NGÔ VĂN QUY • THỊ NGHĨA
TRẦN TRUNG ĐẠO • TÂM THUÔNG ĐỊNH
BẠCH XUÂN PHÊ • NGUYỄN TÚC NGUYỄN
SUNG • HUỆ THÔNG NGUYỄN THANH TÂM
• DIỆU NGUYỆT NGUYỄN THỊ KIỀU DUNG •
QUẢNG HOÀNG LÊ HỮU MINH HUY • DIỆU
PHÚC NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM • TỬ HUỆ
VŨ MỸ HẠNH • HUỆ TRÍ NGUYỄN GIA HẢI
• MINH HẢI LÊ PHAN THIÊN SON • BỬU
THÀNH PHAN THÀNH CHINH • NGUYỄN
HUONG NGUYỄN NGHIÊM UYÊN TRANG
• THIÊN TÂM NGUYỄN HỮU TUẤN • NHẬT
HUẤN NGUYỄN LÊ GIA • NGUYỄN NHÂN
NGUYỄN HỮU TRUNG HIẾU • TÂM ĐỊNH
NGUYỄN HIẾP • NGUYỄN CHON NGUYỄN
THÀNH TÂM • DIỆU NGHIỆM TRẦN THỊ THỦY
TIỀN • NGUYỄN MẬT • NGUYỄN PHÚ XUÂN
• QUẢNG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT...

Nhóm Kết Tập:

HOA ĐÀM

Liên lạc: NGUYỄN VIỆT

714.765.9844

Mọi kiến xây dựng, đóng góp bài vở,
xin gửi về địa chỉ:

hoadamne.wale.tien@yahoo.com

LÝ TƯỜNG BỒ TÁT ĐẠO

Thích Mân Giác - tr.2

TUỆ KIỂM:

PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU
CỦA PHẬT GIÁO (Kỳ 5)

Thích Đạo Thành - tr.3

PHẬT GIÁO VIỆT NAM,
BIẾN CỐ VÀ TULIỀU

1975-2009 (Kỳ 10)

VPII/VHĐ - tr.3

MIẾU ÔNG CHẢI

Tu Trung Hó - tr. 7

MUỘN GÂY THIÊN

PHAN NHU MÙA

THÊM MỘT CHẬP

Hoàng Xuân Sơn - tr.9

PALSCHOOL

A BUDDHIST HIGH SCHOOL
FOR YEARS 7 TO 12 - tr.13

YOUTH IN MOTION: A WORKSHO
FOR EMERGING FILMMAKERS

VAALA - tr.13

LUỘC SỬ

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

Tâm Lạc Nguyễn Văn Thục - tr.13

TRỢ GIÚP

Hoàng Long - tr.14

TA VẾ

Tô Thủy Yên - tr.19

"TỬ RUỘ" CỦA NGƯỜI VIỆT
VÀ "TỬ SÁCH" CỦA NGƯỜI DO THÁI

www.triethoeduongpho.com - tr.22

PHẬT GIÁO VIỆT NAM, ĐÔI ĐIỀU TRÔNG THẤY TỪ XA

vị tinh. Nhưng góc khuất chính trị, nhưng huyền thoại về tôn giáo, nhưng về với nhấm thần thánh hoa lam tự... đang dần dần được "giải mã" như đôi mắt về tình bao quanh địa cầu có thể nhìn thấy một điểm nóng trên sa mạc Sahara hay một hồ tắm vườn sau ở New York!

Gần ngày hoàn mãn mùa An Cư Kiết Hạ của Phật giáo Phật lịch 2557 (2013) - ngày 8 tháng 8 năm 2013 - dư luận trong cung như ngoài nước bỗng xôn xao về loạt hình ảnh của các ni cô lên sân khấu với sắc phục và non tai béo Bộ đội qua một màn mưa hoa trang đầy vọng tưởng nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày cụ Hồ ra lời kêu gọi "thi đua ái quốc."

Đây là một đại hội văn nghệ do Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bình Chánh tổ chức với danh xưng đặt trên cung tẩm phòng màn sân khấu hội trường. Phía dưới là tên phân ban, phân ngành: "Hội Nữ tu huyện Bình Chánh." [1] Trọng tâm của hầu hết các luận điểm xuất phát từ quần chúng là sự bày tỏ thái độ phê phán và bất phục về hiện tượng sinh hoạt phi Phật giáo của các ni cô tham gia trong những màn ca vũ mà gần như tự bản chất, thiếu vắng tinh thần từ bi và tri tuệ của đạo Phật. Tuy nhiên, đối với hàng

cư sĩ và Phật tử đã biết rõ thực tế về quyền lực lãnh đạo quá chặt chẽ của thế quyền trên giáo quyền tư cấp địa phương đến cấp trung ương tại Việt Nam hiện nay thì đa số cho rằng, thế quyền đã lạm dụng giáo quyền. Cụ thể hơn là chính quyền Việt Nam đã dùng Phật giáo như một loại "phương tiện mềm" nhằm củng cố uy tín và nâng cấp tuyến truyền tự do tin ngưỡng. Về sự việc hội Nữ tu Bình Chánh "lập công đảng Bạc", phản ứng của đại chúng, nhất là quần chúng Phật tử, xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau nhưng lại hội tụ vào điểm chung nhất được đặt ra là: Ban chấp hành Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Huyện Bình Chánh hay là chư Tôn Đức thuộc hàng giáo phẩm Phật giáo đóng vai trò lãnh đạo giới tu sĩ ở địa phương? Việc hóa trang, tô điểm, lên diễn tuồng trên sân khấu có đúng với phẩm hạnh của giới tu hành xuất gia hay không?! Nếu không, ai chịu trách nhiệm và có thẩm quyền phán quyết?

Theo tinh thần Phật giáo truyền thống, người xuất gia là kẻ đã chuyển hóa cuộc sống từ đời qua đạo, từ thô đến tế, từ phạm qua thánh, từ người con Phật bình thường lên hàng trưởng tử của Như Lai. Bậc xuất gia khi xuống tóc, vận chiếc áo cà sa

lên mình là thực hiện lời thề lên đường hành đạo bất thối chuyển. Nghĩa là không còn lưu luyến, dính mắc hay tác ý, tác nghiệp quay lại với đời sống phàm trần bất cứ dưới hình thức nào. Khi bậc xuất gia đã an trú trong giới luật thì đời có thể bất chước hình tướng hay công hạnh đầy tôn quý của bậc tu hành chứ tuyệt nhiên không có trường hợp ngược lại. Hơn thế nữa, đường tu là quang lộ đi tìm thể tánh chứ không phải con lộ hay dính mắc trong vòng hình tướng như đức Phật đã dạy: "Nhưng ai đi tìm mùi vị, âm thanh, màu sắc để cầu Phật là đang thực hành tà đạo, nhưng kẻ đo lường mong gì thấy được Như Lai!"

Với cái nhìn từ xa, phía bên ngoài đất nước, thì Phật giáo Việt Nam đang đứng trước những thử thách "rất thời đại" mà điển hình là cuộc đối mặt âm thầm giữa chính quyền và Phật giáo về cả hai mặt đối nội lẫn đối ngoại.

Về mặt đối nội, chính quyền Việt Nam trong suốt hơn 30 năm qua, tuy có "Ban Tôn Giáo" trung ương và đưa ra nhiều văn kiện quy định các chính sách về tôn giáo nhưng đã lặp lại vết xe cũ của hai triều đại tiền nhiệm. Xin được điểm lại vài nét

chính. Năm 1950 quốc trưởng Bảo Đại ban hành đạo dụ số 10 quy định các tổ chức HỘI đoàn.

Điều 1 định nghĩa: "HỘI là Hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp tiền thực hành hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích thuộc về tế tự, tôn giáo, chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, thể thao và đóng nghiệp dĩ hữu." Như thế tôn giáo được xem là một loại hiệp hội. Tuy nhiên, điều khoản 44 trong đạo dụ này có quy định về một "chế độ đặc biệt" như thế này: "Chế độ đặc biệt dành cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô, các Hoa Kiêu Lỵ Sự Hội, sẽ được ấn định sau." Vô hình chung, "chế độ đặc biệt" này đặt các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô, các Hoa Kiêu Lỵ Sự Hội ra ngoài tình trạng Hội Đoàn, không chịu sự kiểm soát và quy định của đạo dụ này. Tổng thống Ngô Đình Diệm trong 9 năm cầm quyền, vẫn giữ nguyên đạo dụ số 10 này nên nhiều người coi đây như là một sách lược duy trì tình trạng thiên vị tôn giáo và chia rẽ giai cấp xã hội.

Nhà Nước Việt Nam từ sau 1975 đến nay, tuy không đã động lại đến Dụ số 10 nhưng lại lại có một cơ chế quản lý chặt chẽ tất cả các hội đoàn quần chúng gọi là Mặt Trận Tổ Quốc. Thực chất, đây là một công cụ chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam như điều 9 Hiến pháp quy định: "Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân."

Phật giáo Việt Nam bị đặt dưới sự quản lý của Mặt Trận Tổ Quốc ngang tầm với các đoàn thể quần chúng khác. Tuy bản chất Phật giáo là vô cầu, vô ngã, xem mọi sự tương đối như giả tạm, như không; nhưng một khi đã đặt vào thế tương quan thì cần phải đặt cho ngay thẳng, chính diện. Một vị đại lão Hoa thượng và một châu thiêu nhi quang khản đồ bình đẳng trong con người nhưng khác nhau giữa xã hội. Đây chẳng khác nào trường hợp Mặt Trận Tổ Quốc đặt "đoàn thể Phật giáo" ngang tầm với đoàn Thanh niên hay đội Thiếu nhi Tiên phong chẳng hạn. Hậu quả đương nhiên là tạo ra thế chống chèo chống; đồng thời áp đặt mối tương quan khắp khiếm làm sinh khởi lòng bất bình vốn đã trái với đường tu của hành giả Phật giáo đã đánh mà còn trái với đạo lý dân tộc và bất chấp truyền thống nhân văn. Nhà Nước Việt Nam và Ban Tôn giáo không nên xem thường vị thế các tôn giáo trong cơ chế quốc gia như hiện nay. Đánh rằng, Việt Nam có năng chủ quyền và mô thức tổ chức, phân bố các đoàn thể thích hợp với tình hình đất nước mình nhưng thế giới vẫn có tiêu chuẩn chung là không có nơi nào lại làm việc nghịch lý như cố nhét cổ xe vào túi áo của mình cả.

"Hội Nữ Tu Huyện Bình Chánh" là một ví dụ điển hình về cơ chế lãnh đạo

THƯỜNG BẤT KHINH BỒ-TÁT

Thường Bất Khinh chỉ với một niệm duy nhất, một câu duy nhất đã đủ nhất tâm bất loạn mà thánh một vị Phật. Cho nên kiên trì, nhẫn nhục, đại hùng, đại lực, đại từ bi thì «hiếp được cả sáu căn, tịnh niệm nổi nhau mà đắc tam-ma-địa».

tuệ đến từ một ý chí, một nghị lực phi thường: đại hùng, đại lực, đại từ bi. Bì, Tri và Dung gắn chặt với nhau, thiếu một không xong. Không có dung thì khó mà tinh tấn lắm, dễ bỏ cuộc lắm. Để có thể làm một Pháp sư, một sư giả của Như Lai thì không thể thiếu Bì, Tri và Dung. Dám nói cái điều khó

nghe khó hiểu, ngược lại với mọi người, dám «thấy biết» cái điều ít ai thấy biết và với lòng Từ bi, «dám» diễn giải, phân tích, mô tả ra cái khó tàng bí yếu của Như Lai cho mọi người thấy ra «sự thật» trần trụi, thấy được thật tướng vô tướng, quả là một chuyện không hề dễ dàng.

Quan Thế Âm Bồ tát thì đại từ đại bi nhưng chỉ đại từ đại bi thì chưa đủ, cần phải có đại hùng, đại lực của Đại Thế Chí Bồ tát. Có đại hùng đại lực thì mới khuất phục được, mới giáo hóa được «chung sanh khổ đau phục», nhất là ở vào thời mạt pháp.

nơi coi Ta-bà đây ác trực này. Cho nên phải hết sức tinh tấn, hết sức nhẫn nhục mới dám «lắm nhưng việc khó làm, nhẫn nhưng điều khó nhẫn». Đại Thế Chí Bồ tát thường đứng bên phải Phật A-Di-Đà, còn bên trái là Quán Thế Âm, một vị thì đại hùng đại lực, một vị thì đại từ đại bi. Ở đây còn có vị Phật tên là Oai Âm Vương, tiếng nói oai hùng của vị vua, ở kiếp Lý Sư, nước Đại Thành. Mỗi tên gọi ở Pháp Hoa đều mang một ý nghĩa. Thời kỳ mạt pháp, chung sanh khổ đau phục, chỉ cần một tiếng nói oai hùng kia là đủ để thanh tịnh được sáu căn. Được chăng?

Được. Dĩ nhiên với điều kiện. Đó là với hình ảnh biểu trưng của Thường Bất Khinh Bồ tát. Thường là luôn luôn, bất là không và khinh là coi nhẹ. Thường Bất Khinh là không bao giờ coi nhẹ, không bao giờ khinh người, nơi khác đi luôn tôn trọng người, bất cứ là ai, ở đâu, không phân biệt. Bởi vì dưới mắt Thường Bất Khinh, ai cũng sẵn có Phật trí kiến, Phật tánh đó rồi, chẳng qua vì không thấy biết mà không rõ được sự thực, nên không tìm ra hạnh phúc đích thực của kiếp người mà quần chúng trong nỗi khổ đau, bất hạnh.

Thư vị là Thường Bất Khinh chưa từng học Pháp Hoa, cũng chẳng học Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ ba-la-mật gì cả, ông chỉ làm mỗi việc: chấp tay xá lỵ mọi người, bất kể là ai và nói với họ rằng: Tôi không dám coi thường ngài. Ngài chính

là một vị Phật tương lai. Ngài sẽ thành Phật! Nghe ông nói, ai cũng chung hừng. Phật ư? Thánh Phật tương lai ư? Con kìa! Giỡn chơi sao chứ. Chết già ư hả? Và người ta đánh đuổi ông, ngược lại ông, ném đá vào ông. Mặc kệ, ông vẫn kiên trì, không một chút nao lòng, vẫn cứ mỗi một câu nói đó: Tôi không dám khinh ngài, ngài sẽ là một vị Phật tương lai, ngài sẽ thành Phật. Nghe một lần hai lần thì nói giỡn, nghe trăm lần ngàn lần thì giật mình, ngạc nhiên và sùng sốt. Bối nhìn ngắm lại mình. Ừ, mà cũng dám lắm chứ. Ai cũng có hạt giống Phật mà, chịu khó tưới tắm có ngày đâm mọc lên một cây Bồ đề lắm chứ. Phật là chung sanh đa giác ngộ còn chung sanh là Phật sẽ thành đó thôi. Và từ đó, lòng tự tin trời dấy. Tin thì tấn, rồi niệm, rồi định rồi huệ. Con đường tất yếu nó vậy.

«Vị tỷ kheo đo chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ đi lê lỵ, nhấm đến xa thấy hàng tứ chúng cũng có qua lê lỵ ngồi khen mà nói rằng: Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ làm Phật. Ông thường bị mắng nhiếc chẳng sanh lòng hờn giận, thường nói: Ngài sẽ làm Phật. Lúc nói lời đó chúng nhon hoặc lấy gậy cây gai để đánh ném, ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xuống rằng: ta chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật»...

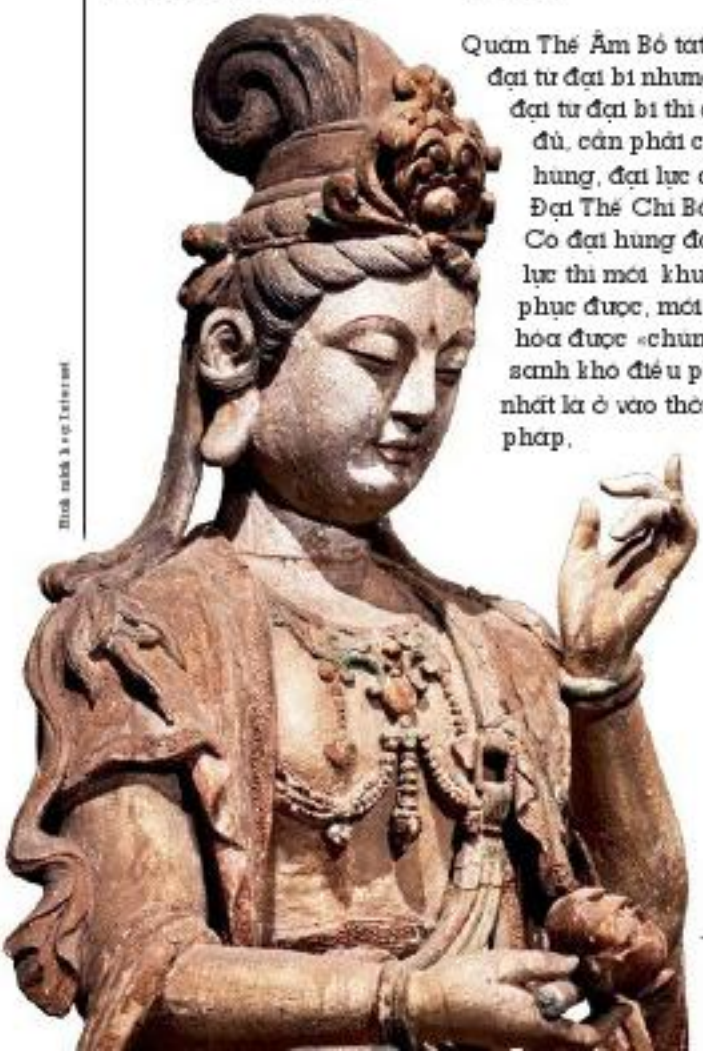
Tôn trọng, đức tính thứ nhất để thiết lập truyền

thông hiệu quả giữa người với người. Thiếu tôn trọng thì truyền thông lập tức gãy đổ. Tôn trọng phát xuất phát từ lòng thanh, nếu không chỉ là sự giả vờ, đóng kịch, không qua mắt được ai. Thường Bất Khinh bèn tất cả lòng thanh nên tất nhân nhục và tinh tấn đến vậy. Vì thế, về sau ông được nghe Pháp Hoa và trở nên một người «có lực cần thanh tịnh, ở bốn chúng nói pháp long không sợ sệt».

Thường Bất Khinh chẳng đọc tụng kinh điển, chỉ một lòng tôn trọng người, lê lỵ người mà trở thành một Pháp sư, một vị truyền bá Pháp Hoa và sau này trở thành một vị Phật. Nhờ đức luôn tôn trọng người - như hoa nhân nhục - ông đã mặc áo Như Lai, đã vào nhà Như Lai với lòng Từ bi vô lượng và thực sự, đã «thấy biết» Như Lai, sống cùng Như Lai. Bởi với ông, ai cũng từ từ đạt ngũ uẩn mà có, từ đất nước gió lửa mà ra, hoàn toàn giống nhau, không cần phải phân biệt.

Thường Bất Khinh chỉ với một niệm duy nhất, một câu duy nhất đã đủ nhất tâm bất loạn mà thánh một vị Phật. Cho nên kiên trì, nhẫn nhục, đại hùng, đại lực, đại từ bi thì «hiếp được cả sáu căn, tịnh niệm nổi nhau mà đắc tam-ma-địa». «Vô biên quang» phát sinh từ đó vậy. Tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh, quốc độ thanh tịnh vậy.

ĐO HỒNG NGỌC





Chùa Linh Ứng - Phật Đỉnh không có biển (Đỉnh: Internet)

và khuynh hướng quản lý theo mô thức “phương tiện quốc doanh” của chính quyền đối với Phật giáo hiện nay. Trong số 30 đoàn thể do Việt Nam xác định là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc, riêng lĩnh vực tôn giáo, chỉ duy nhất Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam là một thành viên tôn giáo chính thức của Mặt Trận. Các tôn giáo lớn khác thì không phát tham gia dưới hình thức giáo hội mà chỉ có các ủy ban hay tổng hội không đại diện cho giáo hội chính thống đứng vào Mặt Trận mà thôi. Như Thiền Chưa Giáo thì chỉ có Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam và Tin Lành có Tổng hội thánh Tin Lành Việt Nam là thành viên của Mặt Trận. Vô hình chung, một tôn giáo có truyền thống lâu

đời với số tín đồ và tu sĩ đông đảo nhất nước như Phật giáo lại bị liệt vào ngang hàng với các hội đoàn quần chúng như: Hội Người Già, Hội Người Mù, Hội Trẻ Em Khuyết Tật[2]. ...! Đây chỉ là một hệ quả đương nhiên của một quá trình mà chính quyền Việt Nam dùng Phật giáo như một hình thức trang trí cho vụ đại chỉnh trị. Nếu quan tâm theo dõi diễn biến “của Thiên không cửa” từ đầu, người ta thấy rằng:

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là giáo hội Phật giáo duy nhất được chính phủ Việt Nam công nhận hiện nay và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Giáo hội được thành lập sau Đại hội Phật giáo Việt Nam tổ chức tại từng lam Quán Sư, Hà Nội vào

ngày 7 tháng 11 năm 1981 nhằm đoàn ngu hóa tất cả sinh hoạt Phật giáo của tầng n1, phật tử Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Nhà Nước.

Phương châm của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam là: “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội.” Đây có thể được xem là một khát niệm gắn ghép khiến cương và không gọi lên được một lý tưởng hay lời cuốn một tình cảm sâu sắc nào cả bởi sự kêu gọi mang tính chất hô khẩu hiệu bất bình thường. Cuộc đồng hành khi hao hùng khi thâm lặng suốt mấy nghìn năm lịch sử của Dân tộc và Phật giáo Việt Nam rõ ràng không có chỗ đứng cho Chủ nghĩa Xã hội phát huy ảnh hưởng của nó trong thời điểm thế kỷ 21 này.

Về mặt đối ngoại, sau 11 năm phát dương đầu với nhiều khó khăn, nhất là sự phản đối trực tiếp của Hoa Kỳ trong nỗ lực vận động để Việt Nam gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (World Trade Organization - WTO), vào ngày 31-5-2006 Việt Nam đã thuyết phục được sự đồng ý sau cùng của Mỹ để gia nhập WTO. Bên cạnh 28 nước hội viên WTO, Việt Nam phải thương thuyết tay đôi với Hoa Kỳ và kết quả đạt được qua văn bản ký kết có tên là “CRS Report for Congress [3]” Trong đó có điều khoản khá bất thường cho một hiệp ước kinh tế quốc tế là việc bắt buộc Việt Nam phải cho phép tập thể người Thượng ở miền Cao Nguyên Trung phần Việt Nam theo Tin Lành hay phái Protestants tự do

truyền giáo và thờ phụng (Trang 22C) . Việt Nam sau ngày gia nhập WTO, theo cư sĩ Minh Mẫn, có thời điểm, mỗi ngày có đến 5 nghìn đồng bào Thượng nhận lễ Báp Tem gia nhập đạo Tin Lành. Sau đó, có tin là một số đồng bào Thượng tán tòng Tin Lành dấy lên hiện tượng đòi lập Khu Tự Trị như người Thượng Fulro thời trước 1975 đã nổi loạn.

Chính vì sự quan ngại này mà chính quyền Việt Nam đã sử dụng “lã chần” tôn giáo bằng cách dùng đạo Phật như một tay vệ sĩ có sức vóc và uy tín trong lĩnh vực tinh thần và tâm linh.

Đạo Phật Việt Nam là tôn

xem tiếp trang 6

tiếp theo trang 1

SUY NGHĨ VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM

văn học Phật giáo trong nước cũng như hải ngoại. Nhưng ưu tư này đã được trình bày một cách sơ sài qua buổi thuyết trình với một số Tăng Ni tại trường hạ Chùa Phật Tổ, Long Beach, California, Hoa Kỳ vào ngày 25/6/2006, chủ đề “Mấy suy nghĩ về văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại.” Thời gian ít ỏi chưa đầy hai giờ đồng hồ không đủ để nói và lắng nghe được nhưng gì cần thiết liên quan đến chủ đề. Đa số Tăng Ni đã chia sẻ với người viết về những thao thức và hoài vọng đóng góp cho văn học Phật giáo, nhưng đi vào đường hướng và hành động cụ thể thì dường như không có gì, bởi vì, có thể nói rằng, Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại không có một tư tưởng chủ đạo hay một hướng đi rõ rệt nào trên phương diện văn học. Nói theo ngôn ngữ chuyên khoa thời thượng, điều này có nghĩa rằng chúng ta chưa có một ‘định hướng văn học’ Phật giáo.

Thực ra, Phật giáo có cần một định hướng văn học chăng? Đây là một

chủ đề lớn, vượt khỏi tầm mức của người viết, cần được thảo luận và học hỏi nhiều hơn từ những bậc cao minh thực giả có thẩm quyền về Phật học và văn học. Nhưng có thể tư vị trí của một người sáng tác, xin đưa ra một vài nhận xét có tính cách gợi ý để mong cầu sự hồi ứng từ những người làm văn học Phật giáo:

- Sự dậm chân của sáng tác: Không khác nhưng người làm văn học ở thế tục, nhưng người sáng tác Phật giáo bị khựng lại một thời gian khá dài sau biến cố lịch sử của đất nước từ năm 1975. Liền sau đó là một nền văn học bị phá sản và o ép đi vào ‘định hướng xã hội chủ nghĩa’ trong nước, trong khi ngoài nước là một nền văn học tạm dung, rồi văn học lưu vong, văn học hoài niệm, văn học hội nhập... có vẻ như không định dự và theo kịp các trào lưu văn học thế giới mà chỉ là những diễn đạt có tính cách phản ứng theo tâm thức và hoàn cảnh của mình. Theo cách

xem tiếp trang 6





Tiếp theo trang 1

Hình ảnh kỳ: Sư Ngộ Như Trang

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Sở dĩ chúng tôi đặc biệt quan tâm đến sự kiện trên, vì trong khi tiến hành công tác sưu tập tài liệu cho bộ sách này, chúng tôi đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc thu thập các dữ kiện về tác giả, về sáng tác phẩm, về các trường phái, các thể loại văn học, các giai đoạn hình thành và phát triển của văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại, v.v. ... Chỉ xin nêu

ra đây một kho khăn để làm thí dụ. Đó là sự thiếu vắng hoàn toàn đối với tài liệu thống kê và nghiên cứu tổng quát về quá trình hình thành và phát triển của báo chí Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại trong khoảng thời gian ba mươi năm trở lại đây, kể từ thời gian từ khi sinh hoạt báo chí Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại bắt đầu đến nay. Hiện nay, trong vấn đề này, chúng

tạ hoàn toàn không có một tài liệu nào để cập đến một cách tương đối đầy đủ để cho người sau có thể biết được rõ ràng rằng suốt ba mươi năm ấy Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại đã sinh hoạt như thế nào trong lãnh vực báo chí. Cũng có thể nói rằng báo chí là sinh hoạt nổi bật và phổ biến nhất trong lãnh vực văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại trong thời gian ba

Tiếp theo trang 3

THUYỀN NGƯỢC BẾN KHÔNG

đã đi, chưa thấy ai trở lại. Bớt cả những người cùng trang lứa cùng lần lượt ra đi. Mình thì mãi mãi được ở lại. Nhìn quanh, bóng đèn, lớp học, sân trường. Sự sống vẫn băng băng lối người đi tới, với những cạnh tranh vất vả.

Chiến tranh, thu hận, và đau đáu, từ sâu thẳm của khát khao, tình yêu và sự chết là nỗi ám ảnh, và như chất liệu cho ý thức sinh tồn. Có một coi thì ca riêng biệt như vậy. Danh cho những tâm hồn nhạy cảm. Nhìn con chim già chết trong tranh mà ngơ ngẩn, bàng hoàng. Nhưng ngôn ngữ của nó cũng biến hình. Tình yêu, thất vọng, đam mê, như những cơn sóng nóng nhiệt trên một nước, mà dưới đây sâu ai biết ẩn chứa những gì.

Nước xa cuốn cuộn ra khơi. Sau trong tâm thế có đôi giọt gần (Dư tập, Thủy mộ quan)

Nhưng câu thơ như vậy thật hấp dẫn cho một đôi bạn rợn. Không bạn rợn sao được, khi quanh mình những bạn bên trang lứa lần lượt ra đi. Một số người vượt suối, vô rừng. Đi theo tiếng gọi của hận thù, máu lửa, trong trái tim đang bốc cháy bất chấp nghĩa anh hùng. Để lại cho thành phố khốc hại "Người đã đi, đi trên non cao..." Một số khác ra đi, để lại tiếng khóc nghẹn ngào, điên loạn: "Ngay

mai đi nhận xác chồng. Sợ đi để thấy mình không là mình." Tình yêu, thù hận, bỗng trở thành máu thuần biến chứng.

Mấy chục năm sau, một thế hệ đang lớn, như nắng trưa xich đạo che lu ánh được quá khứ lấp loe của mình; thỉnh thoảng tôi đi tìm lại một vài câu thơ đau đáu, mà cũng không dễ gì tìm được, để cho hoài niệm quay lại một thời, trong đó mình đã sống, đã suy nghĩ, ưu phiền, và cả đến những đại đột ngột cuồng của tuổi trẻ. Trong tình trạng mà người cu lánh xa, vì hiểm nguy rình rập mơ hồ, thì chuyện biến rộng sống dài chỉ có trong tranh, và trong trí nhớ. Lại vẫn điệp khúc hoài niệm băng qua.

Tôi không đoán được bạn trẻ yêu thơ ngày nay, nếu tình có đọc được bốn câu thơ dưới đây sẽ gọi lên ấn tượng gì. Nhưng người đã sinh ra và lớn lên trong chiến tranh, mà tình yêu và thù hận là những xung đột, khác khác trong lòng, nhưng câu thơ ấy gợi nhớ một thời, hay đúng hơn là một ấn tượng, có thể thoáng qua chớp lát: Chiếu về trên một nhánh sông Bên tôi con nước đỏ lòng quanh co Nước loang dưới đây trôi đỏ Buồn tôi thánh thót trên lo nhán sinh (Một Nhánh Sông, Dư

Tập, Thủy mộ quan)

Đó là một chút hơi thở tàn sinh, như bóng nắng là đã trên mặt nước, không có nhưng trăm mực thâm thâm trong lòng đại dương. Một nhúm cỏ xanh nhón nhón trên cánh đồng khô cháy. Nhưng ai có thể phê bình nhúm cỏ vô tình? Ấn tượng của một người đọc thơ từ trong hủy diệt bạo tàn của chiến tranh là như thế.

Bớt đất nước hòa bình, dân tộc đang trở mình từ trong khói lửa, để cho hận thù hóa thân thành tình yêu. Và cũng là lúc bất đầu một thế hệ cảm but bị khước từ. Vì đã không thể nhận thức tình yêu theo định nghĩa của biện chứng. Trong đó, tình yêu chỉ có thể trưởng thành bằng hận thù và hủy diệt. "Máu của người đem lại tình thương."

Ngồi trên đỉnh đồi Trại thủy, giữa thành phố Nha Trang, nhìn xuống bên dưới, từ trong lòng kéo ra một đoạn thiếu nữ nhĩ Tiểu học, họ vang khẩu hiệu chào mừng cách mạng, đã đảo văn hóa giáo dục phản động, đối trị. Tôi biết mình đang bị chối bỏ. Và bị chối bỏ thật. Từ chỗ là thành phần ăn bám, rồi trở thành phần tử nguy hiểm, và được liệt xuống hàng cận ba xã hội, tạm tha tội chết để được ăn huệ khoan hồng sống hết kiếp sống thừa. Lại một lần nữa, nhưng

người cu của tôi theo nhau lần lượt ra đi. Thời chiến tranh, một lớp bạn lên rừng. Thời hòa bình, một lớp bạn xuống biển. Dân tộc chợt quay trở lại với huyền thoại mô nước. Nhưng người con theo Mẹ, đã có lúc khinh ghét anh em mình, bỏ lên rừng. Một thời gian sau, những người con theo Mẹ lên rừng này quay trở về đô thị. Lại những người anh em khác sợ hãi, vội bỏ trốn theo, tìm về biển: Vua gặp Âu Cơ lúc thủy dục. Cùng năng rung động nước thiên thu Duyên tan nắng bắt con về núi Nhưng đưa theo cha khó đến giờ (Thủy mộ quan)

Ba chục năm, một nửa theo Cha, một nửa theo Mẹ. Nhưng huyền thoại của nhà thơ này vẫn còn quen một số anh em trở thành cội cút. Cha thì ở đâu không thấy, mà tự thân thì bị ruồng rẫy bởi chính anh em mình ngày trên đất Mẹ. Không Cha, cũng không Mẹ, ta đi tìm dấu tích Trường sơn, "Que người trên đỉnh Trường sơn. Cho ta gói một nỗi hơn thiên thu." (Thơ Tuệ Sĩ).

Tôi không nói đến hận thù. Nhưng một nỗi oan khiên nào đó, khiến cho lời nói của mình như trong cơn mê sáng. Bạn cu ở quanh đây thôi, vẫn gần như những ngày nào, một thời buồn vui. Có lẽ bạn cu ngại ngùng, ngại nghe những điều được giả thiết là tôi sẽ nói. Thật sự, tôi chẳng được phép nói gì cả. Vẫn được chỉ định

phất đưng bên lề xã hội đang hội nhập văn minh. Còn những bạn khác, hay gọi là cố nhân, bây giờ mới kể một phương trời. Tôi chẳng biết họ đang làm gì, đang nghĩ gì. Mỗi người một phong cách, trong một thế giới mở rộng, đa văn hóa. Tôi nghe nói như vậy.

Dù ở phương này hay phương kia, dù có hay không có hai trận tuyến văn chương cùng chung loại hình ngôn ngữ của Mẹ, vẫn còn hàng vạn năm xuống dưới lòng biển: Lưu vực điều tàn ở Biển Đông Xương bấy như thù cháy rừng hoang Nhưng rừng không cháy nào đầu thu Người chết thân chìm Thủy mộ quan. (Viên Linh, Thủy mộ quan)

Hận thù có thể xóa được dễ dàng thôi, nhưng u uẩn của những hồn oan đây biến văn âm ảnh tâm tư. Người sống vẫn mang mai an tình của người đã chết, dù trên rừng hay dưới biển, vì oan nghiệt riêng tư hay vì tình chung dân tộc. Xưa Nguyễn Du đã làm "Văn tế thập loại chúng sinh"; không chỉ là môn nợ văn chương cho người đã chết, mà do con là tình tự thiết tha từ coi chết vọng về. Tôi đọc bài "Gọi hồn" trong Thủy mộ quan cùng với tâm trạng tương tự: Trên Huyền Hải thuyền trôi về một chiếc Chiếu bám đèn trời rực rỡ đau thương Thăm chìm xuống bóng tuyết gió tận biệt Sông bạc đầu hối hả phù

mười năm qua. Vậy mà khi muốn tìm hiểu về sinh hoạt báo chí đó, chúng ta đã không thể tìm được bất cứ một tài liệu nghiên cứu nào khả dĩ giúp ích! Khi một nền văn học thiếu vắng bộ phận nghiên cứu, nhận định và phê bình thì ắt hẳn không thể có được sự phát triển lớn mạnh từ phẩm chất đến hàm lượng! Đừng nói đến lãnh vực sáng tác khác, chỉ nói đến lãnh vực phiên dịch tam tạng kinh điển cũng phải đòi hỏi bộ phận nghiên cứu, nhận định và phê bình để có thể góp phần vào việc nâng cao phẩm chất của các bản dịch hầu tránh tình trạng sai lạc đối với giáo pháp của đức Phật. Đây không phải chỉ là vấn đề phẩm chất văn học mà còn liên quan đến vấn đề truyền bá tinh hoa của đạo Phật từ thế hệ này sang thế hệ khác. Một bản dịch kinh luật luận có chỗ nào không phù hợp với chánh lý sẽ di họa vô ngần cho nhiều người học Phật sau này! Chúng tôi đã từng nghe câu chuyện của một vị tăng si giáng nghĩa chữ “thế gian” là cuộc đời gian tà, gian ác! Ấy thế, một từ ngữ thông thường trong đạo Phật như “thế gian” mà còn có thể hiểu sai nghĩa như vậy thì nhưng chỗ uýng ao trong tam tạng giáo điển sẽ được hiểu như thế nào! Nói như vậy không hề có dụng ý chê trách mà chỉ muốn cùng nhau nhắc nhở rằng trong sinh hoạt văn học Phật giáo, chúng ta còn cần rất nhiều đóng góp bằng tâm huyết, bằng khả năng, đặc biệt trong bộ phận nghiên cứu,

nhận định và phê bình văn học Phật giáo trong và ngoài nước. Nói như vậy cũng để cho thấy rằng một bài tổng luận như thế này cũng chỉ là một đóng góp nhỏ bé để gọi ý hầu góp phần làm cho sinh hoạt văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại thêm phần hưng sắc.

B. VĂN HỌC

Văn, theo truyền thống học thuật phương Đông, là nét đẹp, nét văn vẻ tự nhiên như những đường nét trên da. Khi con người bắt đầu biết sử dụng các ký hiệu để thông truyền tư tưởng hay cảm thức cho nhau, người ta cũng dùng những đường nét văn vẻ của thiên nhiên để làm biểu tượng. Người Trung Hoa dùng các hình tượng thiên nhiên để làm ký hiệu chữ viết, như chữ “nhân” vẽ giống hình dạng một người đang đứng với hai chân xoải ra, chữ “nhất” thì vẽ một đường ngang duy nhất, v.v... Ở phương Đông (Trung quốc và Việt Nam), người ta chia văn học ra làm 3 thể loại lớn[1]:

1. Tân văn: Văn xuôi;
2. Vận văn: Văn vần; và
3. Biện văn: Thể văn bao gồm đặc tính văn xuôi và văn vần.

Trong truyền thống học thuật phương Tây, văn phát xuất từ chữ Latin: Litera có ba nghĩa: một, letter, tức chữ, chữ viết; hai, texts tức văn bản, bài viết; ba, works of art tức văn chương, tác phẩm nghệ thuật. Cho nên, chữ văn chương – Lit-

erature - trong tiếng Anh mang dạng hình của chữ Latin ấy.

Ở phương Tây, người ta phân văn học ra làm 3 loại chính[2]:

1. Kịch: Yếu tính là động tác;
2. Tự sự: Yếu tính là mô tả;
3. Trữ tình: Yếu tính là biểu hiện.

Trong phần giới thiệu tổng quát của cuốn The Norton Introduction to Literature, các tác giả đã có đưa ra một cái nhìn bao quát và mới nhất về văn học mà trong đó văn học ngày này mở rộng giới hạn của nó đến nhiều lãnh vực bao gồm nhưng sáng tác thuộc nhiều địa hạt kể cả phim ảnh, băng video, v.v...

“But now, as you begin this introduction to literature in the twenty-first century, the walls of that garden are coming down. Literature today generally encompasses oral and even visual forms (film and video being closely related to drama, of course), and it takes in, as it did long ago, writings of diverse design and purpose, including nonfiction.” [3]

Nhưng bây giờ, khi bạn bắt đầu phần giới thiệu này về văn học trong thế kỷ 21, các bức tường của ngôi vườn đó đang hạ xuống. Ngày này văn học nói chung bao gồm các dạng thức tiếng nói và ngày cả hình ảnh (phim và video liên hệ mật thiết với kịch, di nhện), và nó

cũng được xem là văn học, như nó đã từng được xem như vậy từ lâu, các sáng tác thuộc mô thức và mục đích đa dạng, bao hàm sáng tác không hư cấu.

Văn học là một ngành, một bộ phận sáng tác, nghiên cứu, khảo luận có liên quan đến chủ nghĩa, văn chương. Văn học là văn trong ý nghĩa học thuật hay là nội hàm học thuật trong văn. Đó là yếu tính của văn chương. Nhưng muốn tìm một định nghĩa cho văn chương thì thật là nan giải. Nhà phê bình văn học Thụy Khuê đã viết:

“Văn chương là gì? Khi phải tìm một định nghĩa cho văn chương, người ta bối rối. Chữ văn chương theo nghĩa hiện đại mới chỉ xuất hiện ở Âu châu vào thế kỷ XIX và cho đến nay chưa ai dám khẳng định cái gì là văn chương và cái gì không phải là văn chương.” [4]

Hoặc nói như Micheal Meyer, học giả và giáo sư văn chương tại các Đại học Hoa Kỳ (University of Connecticut, University of Carolina và College of William and Mary):

“Literature does not lend itself to a single tidy definition because the making of it over the centuries has been as complex, unwieldy, and natural as life itself.” [5]

Văn học không thích hợp với một định nghĩa gọn gàng đơn giản bởi vì trải qua hàng thế kỷ việc làm ấy đã chứng tỏ cùng phức tạp, khó nắm bắt và

tự nhiên như chính cuộc sống.

Tìm một định nghĩa cố định nào đó cho văn học thì không đơn giản, nhưng người ta đã có thể nói đến một trong những yếu tính của văn học. Như Terry Eagleton đã viết:

“Literature was not pseudo-religion or psychology or sociology but a particular organization of language.” [6]

Văn học không phải là phi tôn giáo hay tâm lý học hay xã hội học nhưng là sự tổ chức của ngôn ngữ. Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc đã có lần viết:

“Văn học là nghệ thuật ngôn ngữ, là nơi ngôn ngữ biến thành một nghệ thuật chứ không phải chỉ là một phương tiện truyền thông.” [7]

Cùng vậy, Tuệ Sỹ đã viết trong tiểu luận Dân Vao Thế Giới Văn Học Phật giáo [8]:

“Nhưng một tác phẩm văn học phải đạt hết tám tính và cảm xúc ngày ở hình thức phổ biến; và đây không phải là tám tính và xúc cảm được khai dạy bởi một chân lý thanh tịnh nào đó. Như vậy ngày nơi tác phẩm văn học, không phân biệt giữa nội dung và hình thức, mà ngày nơi tính cách phổ biến đương trường của nó, là cả một thế giới sống thực tiễn miên.”

Ý nghĩa này có khác với quan niệm truyền thống ở phương Đông ngày xưa rằng “văn dĩ tải đạo.”

xem tiếp trang 12

trung dương.
(...)

Trong rêu xanh ngàn ngát
bóng sơn hà
Luot hải phận về dưới trời
cổ quốc.
(...)

Bài thơ không mang tiết
nhịp gãy cảm xúc bằng
hoang tặc khác, nhưng
nhưng ấn tượng rải rác
trong cả tập Thủy mộ
quan lâm cho bài thơ
phảng phất nỗi kinh sợ,
rùng mình:
Trình nư trăm oan nổi
giữa dòng
Thần băng ngàn hải lý về
sông
Xung quanh không một
người tham khoc
Chỉ ca trung dương theo
hộ tang.

Dù sao thì đất nước cũng
đang hồi sinh. Nhưng
người ra đi, lần lượt kéo
nhau về. Ấy thế, hân hoan
giữa anh em vẫn còn là
vết thương nhức nhối. Văn
chương bây giờ vẫn là
một lựa chọn, hoặc một
nhân cách. Thì ngôn chí,
Thiên cổ văn chương thiên
địa tâm. Trong tận đáy
sâu tâm khảm, mỗi nhà
thơ vẫn chung một tình tự
nghìn đời, dù biểu hiện
có hạn thu hẹp nghiệt. Tôi
mong được như lời Viên
Linh nói:
Sinh ở đâu mà giạt bốn
phương
Trăm con cuội nói tiếng
trăm giọng
Ngày mai nếu trở về quê
cũ
Hy vọng ta còn tiếng khoc
chung.

Saigon, đông 2004
TUỆ SỸ



MIẾU ÔNG CHÀI

TU TRUNG HO

Sông Hân là một
đoạn sông ngắn, có
hai cái mế u ở hai
đầu sông gần liền với hai
cái chết vô cùng hay: Một
người thì biết đứng đầu
chết cùng lam, một người
biết sai đầu chết cùng
không thực hiện:

- Phía cửa biển là đền
Tung Giang thờ tướng
Nguyễn Phục, phụ trách
thuyền lương cho Lê

Thánh Tông, khi thấy gió
bao ông cho dựng thuyền
lại chứ không cho đi như
cam kết với vua, ông nói:
“Thà đem tám thân bề
nhỏ chịu hình phạt bủa
riều chứ không nỡ đem của
nông dân ít ỏi này chìm
dưới biển sâu, đưa các
người làm mồi cho cá”. Vì
lẽ đó ông bị chém, hiến
linh, người Đa Năng làm
mồi u thờ gọi là đền Tung
Giang.

- Ở phía núi Ngu Hành
Sơn có một đền nhỏ tên
gọi là Ông Chài, dân
làng kể : Gia đình vận
chài sống trên thuyền có
ông bố chồng và một đôi
vợ chồng trẻ, khi anh con
trai đi đánh cá xa, ông bố
chồng nhìn có con dâu
ngủ hờ hênh, ông tự nhủ
là không được, nhưng vẫn
không thể kim chế, đến
lúc thấy mình đứng dậy

buộc về phía có con dâu
thì ông cũng vô con dao
lâm cứa để gần đó, kẻ cái
của nợ nông hời lên mạn
thuyền, bầm một phát rồi
vứt cá ăn. Mắt máu, ông
chết, cung hiến linh, nhất
là vợ ai muốn cầu duyên.
Dân làng lập đền thờ, gọi
là mế u Ông Chài.
(Ảnh là mế u Ông Chài ở
hòn Hố Sơn, gần chùa
Quan Âm)



Tiếp theo trang 5

SUY NGHĨ VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM

mà phù nhận tất cả, cung từ không tinh mà xác lập tất cả. Lời điệu huu mà pho diện chân không; tư chân không mà trình bày điệu huu. Nói mà thực ra chẳng nói gì cả. Định hướng mà kỳ thực là bất định hướng. Như vậy, một hướng mà mở ra muôn hướng. Đó là con đường thành thang của văn học Phật giáo.

Nhưng cần gì phải lý luận dòng dãi! Về mệnh mông trang lệ của tư tưởng văn học Phật giáo đương thế, nhưng đâu là thực tế của nền văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại (và trong nước)?

- Văn học kinh viện: Văn học Phật giáo Việt Nam 30 năm nay có vẻ khép kín, thấy-trò trong chùa đóng cửa nói nhau nghe, đường

như không liên hệ tới nền văn học dân tộc. Văn học dân tộc ở đây là nói một nền văn học của một cộng đồng con người dùng chung một ngôn ngữ, có những sinh hoạt sáng tác nghệ thuật, góp phần tạo nên bản sắc của một nền văn hóa đặc trưng, có thể thăng trầm đổi thay, nhưng nhất quán. Ở đây không dám vượt qua lần ranh tinh thể của văn học, mà chỉ xin xét nơi hiện tượng sinh hoạt của văn học. Có thể nói sinh hoạt văn học Phật giáo Việt Nam 30 năm qua là sinh hoạt "cửa tung đôi cánh gai." Thử nhìn lại thời kỳ

1964-1975, nhưng Nhất Hạnh, Huyền Không, Bui Giáng, Phạm Công Thiện, Quách Tấn, Võ Hồng, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Đoàn Quốc Sỹ, Nguyễn Đức Sơn, Trịnh Công Sơn, Phạm Thiện Thư... không những là văn thi sĩ lỗi lạc của Phật giáo mà còn là những danh tài nghiêm nhiên chiếm lĩnh những vị trí hàng đầu trong vương chiếu văn học nghệ thuật miền Nam Việt Nam. Nhưng văn thi tài ấy cũng những tác phẩm cu hoặc mới của họ cho đến ngày nay, vẫn còn là những ngôi sao sáng ảnh hưởng sâu đậm trong nền văn

học dân tộc (và trong một vài trường hợp đặc biệt, văn học thế giới). Nhưng sau năm 1975, ở trong và ngoài nước, sao lại có hiện tượng vắng hoe nhân tài văn học trong giới Phật giáo như thế? Chúng ta có thể tính kế cho nhau nghe, nào là nhà văn A, nào là nhà thơ B, nào là nhạc sĩ C, nào là họa sĩ D... nhưng tại sao những văn nghệ sĩ ấy nổi danh trong Phật giáo lại không hề được biết đến trong giới văn nghệ sĩ cùng như giới thường ngoạn văn học nghệ thuật bên ngoài? Khi họ vào chùa, nhìn kinh sách báo

Tiếp theo trang 5

PHẬT GIÁO VIỆT NAM, ĐÔI ĐIỀU TRÔNG THẤY TỪ XA

giáo truyền thống của người Việt Nam theo đạo Phật, vốn xưa nay không phân ranh giáo hội. Ngày nay, trong nước cũng như ngoài nước, đạo Phật phân hóa ra thánh hăng chục "giáo hội" nhưng lại không có sự lãnh đạo của hàng giáo phẩm gồm chư tôn đức và các tu sĩ đạo cao đức trọng. Trong nước chỉ có Giáo hội Phật Giáo Việt Nam do chính quyền dựng lên một cơ quyền hoạt động hợp pháp. Đại Hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, diễn ra vào ngày 24 tháng 11 năm 2012 tại Hà Nội từ hình thức đến nội dung chẳng khác gì một đại hội chính trị của chính quyền đương nhiệm. Bàn tay thô cứng của chính quyền nhưng vào tôn giáo đã làm cho Phật giáo mất dần đạo vị và hương trầm giải thoát.

Thế lực lãnh đạo Việt Nam trong nước đã biến Phật giáo Việt Nam thành một cơ sở tinh thần, phụ trợ cho hệ thống quyền bính. Trong khi đó chính trị và tôn giáo là hai thế lực đối và Đạo khác biệt. Thậm chí, có những hoàn cảnh cực đoan mà con người phải lựa chọn được bên này thì phải mất bên kia và ngược lại. Hơn nữa, chính trị tự bản chất là một phương tiện đầy mưu lược nhất thời, trong khi tôn giáo là chỗ dựa nhân bản của tâm hồn suốt chiều dài cuộc sống. Lịch sử hơn 25 thế kỷ của

Phật giáo đã chứng minh rằng: Tôn giáo càng dính mắc vào chính trị sâu chừng nào thì hệ lụy càng nghiêm trọng chừng đó.

Vua A Dục (Asoka) đã đưa Phật giáo lên hàng quốc giáo tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch. Sự kiện Phật giáo dính vào quyền lực đương quyền này là một sự "tuyệt nhiên chính trị" với Ba La Môn giáo tại Ấn Độ và các thế lực Hối giáo lân cận. Khi vua A Dục qua đời, thế lực chính trị kế thừa không còn đủ sức mạnh để ủng hộ Phật giáo nên hậu quả không tránh được là chùa viện và tăng tín đồ Phật giáo bị các thế lực thù nghịch tàn phá và tàn sát không khoan nhượng.

Ở Trung Hoa, thời Thịnh Đường Phật giáo cực thịnh và các vị hoàng đế đầu triều đều là các con ông vua mộ đạo. Hàng tăng sĩ càng hưởng ưu tiên bổng lộc nhà vua càng xuống cấp. Khi giới tu hành càng bị xuống cấp thì càng cố bám vào thế lực chính trị cầm quyền để tồn tại và hưởng thụ. Tới đó, giới tăng lữ trở thành một thế lực lợi đường cho chính trị, xa lìa đạo pháp và đại chúng. Hậu quả không tránh khỏi là đột nhiên năm 845, dưới áp lực của đám Nho sĩ, đứng đầu là Han Du, vua Đường Vũ Tông ra lệnh bãi trừ Phật giáo như là một "ngoại đạo", đưa

Khổng Giáo lên làm quốc giáo. Hai mươi lăm nghìn ngôi chùa Phật giáo bị phá hủy, hai mươi lăm vạn tăng lữ trong cả nước bị bắt buộc phải hoán tục hay bị đẩy ra ngoài biên ải.

Trải qua bao cuộc bể dâu tại hầu hết các nước mà đạo Phật đã đi qua, kinh nghiệm rút ra sau hơn 25 thế kỷ là: đạo Phật còn tồn tại và hưng thịnh được là nhờ công hạnh tu trì, tâm bồ đề kiên cố của những danh tăng, bộ phái, hệ phái và tông phái Phật giáo không dính mắc với thế quyền, không tham cầu hư danh, không dính mắc giá tướng, không sợ đặc lợi lạc phạm tục đời thường.

Sau mấy chục năm đi lam, tôi về hưu và quyết định về ở tại ngôi nhà thuê từ một thời gian. Năm nay, 2013, tôi về quê ăn Tết, sống lặng lẽ ở làng quê và đi thăm nhiều chùa, am, cốc ở Huế. Sau hơn ba tháng, tôi có dịp viếng nhiều chùa từ Nam, Trung, Bắc và trực tiếp vấn an quý ôn, quý Thầy, Sư Cô để tận mắt thấy rằng: Duyên lành thay, Phật giáo Việt Nam hiện đại không phải là Phật giáo pho thạc đường tu vào tay thế quyền chuyên chế như thời Mạc Đường bên Trung Quốc. Lớp vỏ sơn son thếp vàng hào nhoáng bên ngoài đã tẩy tủy tinh thần Hán Tạng

của Trung Quốc thì ở đâu cũng có. Nhưng càng đi sâu vào các ngôi chùa xưa, càng có thiện duyên gặp những bậc tu hành tôn túc mà mới gặp đã bị chinh phục ngay bằng nụ cười từ ái và được nghe lời tâm pháp đầy năng lượng khai thị của các vị tôn đức chọn nếp tu hành ẩn cư vô danh. Hầu hết quý Thầy và Sư Cô mà tôi đã được tiếp cận, vẫn an đến coi những chuyện giáo hội, ủy ban, đơn vị tôn giáo do Nhà Nước chỉ đạo và tổ chức chẳng có chút tác dụng nào trong sinh hoạt tu trì chùa viện. Phong thái an nhiên tự tại của các bậc hành giả Phật giáo với bản tâm vô cấu đầy công hạnh hoàn toàn đối nghịch với một hình thức Phật giáo lảng xảng và vụ hình tướng, ao tung vơi nhau đầy những danh xưng danh vị trên các loa đài và báo mạng, báo giấy trong cái thế giới tâm linh vắng thâu lẩn lộn này.

Hôm nay, nhân mùa Vu Lan "xa tội vong nhân", nếu có chăng một lời cầu nguyện chân thành của những con người còn sống sót sau bao nhiêu tai ách nạn khổ của chiến tranh thì lời cầu nguyện đó xin hướng về quê hương Việt Nam với ước mong dân giàu nước mạnh, hướng được nhưng phúc lợi vật chất và tinh thần xứng đáng với quyền sống làm người.

Biêng về trường hợp "Hội Nu Tu" lên sân khấu ở huyện Bình Chánh, nơi một cách công bằng thì không nên nghiêm khắc phê phán hay quy lỗi cho

các ni cô hóa trang làm bộ đội lên sân khấu diễn tuồng. Giới tu sĩ trẻ, tu hành trong nếp sinh hoạt vui tươi và thanh thoát là khuynh hướng khá phổ biến của tôn giáo ứng dụng ngày nay. Quý ni cô chẳng có lỗi gì hơn là muốn làm vui đại chúng theo lệnh cấp trên. Trách nhiệm đưa sinh hoạt tôn giáo đi đúng hướng là thiên chức của hàng giáo phẩm và việc tôn trọng nếp tâm linh tôn giáo của một dân tộc là trách nhiệm của giới cầm quyền có lương tri và bản lĩnh lãnh đạo.

Ngày nay, hàng hóa mang nhãn hiệu "made in Việt Nam" và người Việt Nam từ hàng lãnh đạo, chuyên viên tới du khách, du sinh viên... đã tung vào lòng thế giới, nhất là ở Mỹ. Quốc doanh hóa tri tuệ và tôn giáo là con đường lãnh đạo đã qua lỗi thời và phản tác dụng trên mọi nẻo hướng về quốc kế, dân sinh cần phải thay đổi hay vứt bỏ. Ngày mai, ước mong đạo Phật Việt Nam không còn là một giáo hội quốc doanh hay tư doanh mà chỉ có một thực thể tinh thần truyền thống: Phật giáo Việt Nam.

Sacramento, ngày Vu Lan PL. 2557 - 2013
TRẦN KIỂM ĐOÀN

[1] <http://www.youtube.com/watch?v=9BFYx7jFZu8>

[2] http://vi.wikipedia.org/wiki/Mặt_trạm_Tổ_quốc_Việt_Nam

[3] (<http://www.cnn.com/2013/04/04/asia/south.korea.133490.p.cdn>)

chỉ nhà chùa thì họ biết thoáng qua nhưng tên tác giả, nhưng ra khỏi chùa thì không còn nhớ đến nữa. Điều này có nghĩa gì? - Một là, Phật giáo thiếu nhưng nhân tài văn học nghệ thuật kiệt xuất, hai là các nhân tài văn học Phật giáo chỉ sáng tác với mục đích truyền bá Phật Pháp, không quan tâm đến mục chức năng thực sự của văn học, cho nên, không có tác phẩm xuất sắc; ba là sinh hoạt văn học Phật giáo rất cục bộ, không tiếp cận cuộc đời. Ba lý do ấy tác động hỗ tương với nhau, có lập nên văn học Phật giáo khỏi dòng chính của văn học nhân gian.

- Nghệ sĩ Phật tử và Phật tử nghệ sĩ sáng tác gì? Bao chi Phật giáo kêu gọi sự góp mặt của những 'nghệ sĩ Phật tử có tiếng tăm, nhưng nhưng nghệ sĩ này không biết phải góp mặt bằng cách nào. Nhà thơ tìm trong tập thơ trăm bài của mình xem bài nào có vẻ thuần tịnh, từ cảnh chùa với tiếng chuông mo, hoặc phảng phất bóng dáng từ bi. Nhà văn tìm bài nào có liên hệ tới Phật và Bồ-tát hoặc một vị sư nào đó. Không tìm được bài thích hợp thế giới chay tịnh của thiền môn, các nghệ sĩ Phật tử đành bó tay, im lặng, và đôi khi phải kính mặt không bên mắng đến chùa. Con nhưng 'phật tử nghệ sĩ' thì lúc nào cũng hăng say sáng tác, nhưng bài vở chỉ rập khuôn một công thức "văn đi tới đạo." Viết cho bao chùa thì phải viết về chùa. Ăn chay, trì chú, tụng kinh, niệm Phật, hình như là để tại muốn thuộc không thể thiếu trong các

sáng tác Phật giáo. Thế nên, số lượng sáng tác thì nhiều mà phẩm chất lại kém, thơ văn của người này sáng sủa na na của người kia, chẳng có cá tính, chẳng có sự đặc thù. Một nền văn học đầy đầy nhưng sáng tác có vẻ "vô ngữ" tương tự nhau như thế, không thể gọi là một nền văn học thuần túy, mà chỉ là phong thông tin của một cơ quan truyền giáo. Thiên sư nghệ sĩ như Nhất Hạnh có thể dùng văn học làm phương tiện truyền đạo mà phương tiện ấy văn cứ là tối hảo; nghệ sĩ thiên sư như Tuệ Sỹ sáng tác hào hoa cách nào cũng thể hiện lòng lộng cung trời tinh Không. Nhưng đó là nhưng tại năng ngoại hạng. Nơi họ, văn học cũng là phương tiện, cũng là cứu cánh. Nói cách nào cũng là đạo, mà im lặng cũng là đạo. Còn nhưng người nghệ sĩ Phật tử và Phật tử nghệ sĩ 'tắm tắm bạc trung' như chúng ta, tất phải vạch một "khởi điểm" nhắm đến một "đích điểm." Tức là cần phải có một định hướng văn học với nhưng chủ đề mở rộng, được khai triển từ Tứ Diệu Đế, có thể tạm gọi là nền 'văn học Từ Đế.' Các nghệ sĩ Phật tử và Phật tử nghệ sĩ có thể bổ túc cho nhau, học hỏi và trao đổi nhau về tư tưởng Phật học và các thể loại sáng tác văn học. Mà quan trọng nhất là từ phía hàng tăng sĩ lãnh đạo Phật giáo, cần phải có một cái nhìn cởi mở đối với văn học, từ nội dung đến hình thức, từ ý tứ đến thể tài. Một nền văn học khởi sắc rực rỡ chỉ có thể nảy mầm và vươn cao từ mảnh đất tự do. Chất liệu giải thoát và tư

tưởng mệnh mông khoáng đạt của Phật giáo là nguồn tài nguyên vô tận cho cảm hứng sáng tạo của nghệ sĩ. Nhưng nhà lãnh đạo Phật giáo không thể không quan tâm.

Với mấy suy nghĩ và nhận xét khái quát về hiện trạng văn học Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại (và trong nước) như thế, người viết luôn kỳ vọng bao chi Phật giáo sẽ là nhưng quán trọ ở ngã tư đường, mở toang bốn hướng của để tiếp đón lưu khách bốn phương, là chỗ nối kết cho các khuynh hướng sáng tác văn học Phật giáo, là viên gạch lót đường cho nhưng khai phá, sáng tạo, tìm tòi, thử nghiệm... như là khởi điểm cho một viên trình lam mới bộ mặt văn học Phật giáo. Sẽ có ít người đồng tâm hướng ứng. Sẽ có khá nhiều người bảo thủ chống đối. Nhưng không sao. Chẳng có cuộc cách mạng nào có thể diễn ra một cách êm thấm xuôi thuận.

Mở hướng mới không thể không nhìn lại chặng đường đã qua. Tản mạn đôi điều về văn học Phật giáo Việt Nam như thế nếu có làm Phật lòng ai, cũng là điều văn bất đắc dĩ.

Bởi vì, đích điểm của văn học Phật giáo là gì?

Là sự vượt qua.

Mà hạ bát nha ba là mặt.

California, ngày 01 tháng 9 năm 2006

VĨNH HẢO

Muốn gây thiện phan nhu múa thêm một chấp



Ảnh minh họa: Internet

gột Chạy

mở cửa, đóng cửa, ngày teo lại
đêm nở trắng ra hơi mù u
thủ thủ nằm uồn thân cả chết
đầy cát phôn hoa văn tối hù

vịn vào tay gió, gió mất tròn
củ nga sông xuôi đến nghìn năm
đời vui chỉ sống vài ba bận
một chỗ lè thè, một chỗ nằm

đùng hòng bắt chước chim khoe giọng
thanh tao buổi sáng, ngọt buổi chiều
hát? hát sẽ sẽ như nằm đất
tưởng mình tưng tẩn, thiệt buồn hiu!

gậy chống đi mò rồi cũng oải
lọc cọc đường phố gọi đường đi
con trăng cui rập ã lên bóng
đuối là đêm đêm m rưng ngớt hè

rời bay một trận, mù mắt đất
xư bông thông manh, nước quàng gờ
xin chỉ giùm mô phên dậu hưng
bốn mùa phôi tạc, ớn xương da!

đầu năm Tân Mao
HOÀNG XUÂN SON

Một chương trình
âm nhạc thính phòng đặc sắc
trong một không gian
ấm cúng, trữ tình
qua tiếng đàn vĩ cầm
và dương cầm
điều luyện
của nhạc sĩ

HOÀNG CÔNG LUẬN

cùng sự góp mặt của ca sĩ
THƯƠNG LINH & PHẠM HÀ
PIANIST DANIEL VU

sẽ là một đêm đáng nhớ
cho các cặp tình nhân trong ngày lễ *Valentine's.*

VIỆT BẢO Gallery

THỨ SÁU 14 THÁNG 2, 2014 LÚC 7 GIỜ TỐI
14841 Moran St. Westminster, California 714-894-2500

GIÁ VÉ: \$50. VÉ CÓ BÁN TẠI VIỆT BẢO, HOẶC GỌI 714-894-2500 COCKTAIL: 7-8PM. MUSIC: 8PM



PAL SCHOOL

A BUDDHIST HIGH SCHOOL FOR YEARS 7 TO 12



MR. PARTHA PAL
Principal (Bhikkhu Paragaj)

MISSION STATEMENT: PAL School is a Buddhist community that seeks to make a life-changing impact for the good of society, through its quality teaching, embedded principles, and leadership in education.

ENROLMENTS FOR 2014 ARE NOW BEING ACCEPTED!

CONTACT: Website - www.pal.nsw.edu.au. Phone - 9755 7778

Address - 14 First Ave, Camley Vale NSW 2166

THE FOUNDATIONS OF OUR SCHOOL COMMUNITY:

At PAL we understand that Asian parents work very hard to give their children the best education possible.

We also understand that many parents suffer a great heartbreak when their children say,

"Mum/ Dad you don't understand what we do at School. I can do it myself."

As most parents do not have the modern knowledge of how computers and internet technologies are used in learning they are not able to connect to their children. For this reason when our children grow up, they grow away from us, because they

take up the Australian culture and values, and lose the respect and tradition of their previous generations.

Here, at Pal School, we understand that CHANGE is a certainty in life. For this generation more than any before, the necessity to be able to cope with CHANGE, in lifestyle, in culture, and in technology is vital.

It has been pointed out that many of the jobs your children will be working at in 10 years do not yet exist. So our mission as a school is to equip our students for this versatility and change.

At PAL School our teaching belief is simple- to produce life-long learners. We know that any teacher can teach a student a



lesson for a day; but the art of the great teacher is teaching him to learn by creating curiosity. If this is achieved then he will continue the learning process as long as he lives.

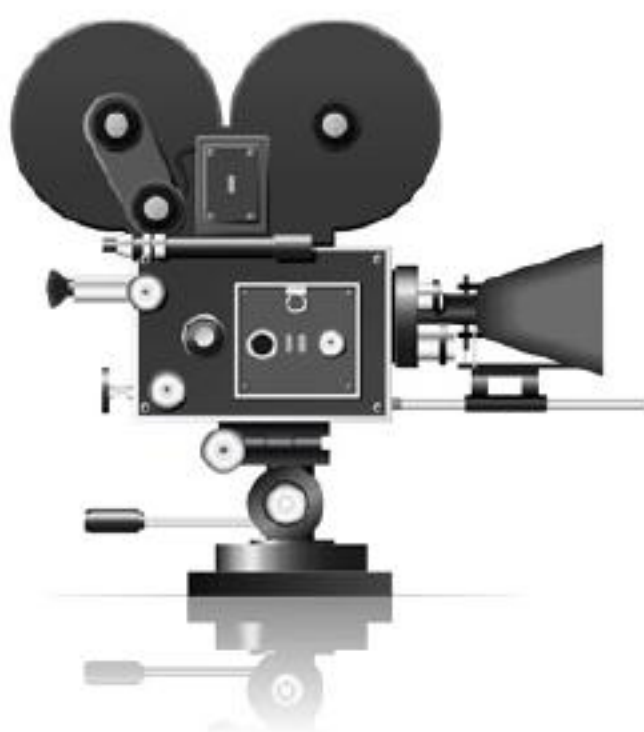
At PAL School our student will learn to trust his teacher as a friend and a mentor, while maintaining a balance between respect and companionship.

Our teachers are chosen for their ability not just to impart knowledge efficiently, but also to motivate and promote a culture of enthusiastic learning and scholarship.



Our aim is and have always been, to have a platform where the positive achievements we make for our Australian community can be celebrated and recognised.

While our students receive a first-class modern education through the most advanced technology assisted learning classroom, we also guide them through the Buddha's teachings of Compassion, empathy and loving-kindness.



YOUTH IN MOTION: A WORKSHOP FOR EMERGING FILMMAKERS

VAALA presents Youth In Motion: A Workshop for Emerging Filmmakers. As part of VAALA's on-going smART series, this program is being offered for the first time by VAALA to support young voices, stories, and perspectives in the Vietnamese community through the art of digital films. Workshop participants will explore and learn basic skills and tools for digital filmmaking and work collaboratively to produce short films that will premiere at the 2014 Viet Film Fest in April.

Participants will have the opportunity to learn about the production process - from storytelling to camera work to editing - and put their skills to practice. Some sessions will include guest speakers from the local film community. The workshop is free and no previous experience in film is needed to participate!

If you are a Vietnamese youth between the ages of 16-22, are interested in participating, and can commit to the schedule below, please complete the application form and e-mail it to entienne01@gmail.com by Wednesday, January 22, 2014.

Space is limited and we will follow up with you after the deadline. If you have any questions, please contact thucm nguyen at entienne01@gmail.com. Thank you!

APPLICATIONS DUE JANUARY 22, 2014!

SCHEDULE (topics subject to change)

When: Sundays from 1:00-4:00pm

Where: VAALA Cultural Center at 1600 N. Broadway, Suite 210, Santa Ana, CA 92796

- February 2nd: Introductions, Overview & Background; Storytelling
- February 9th: Elements of Filmmaking; Tools for Filmmaking
- February 16th: The Production Process; Acting
- February 23rd: Pre-Production
- March 2nd: Production
- March 9th: Production
- March 16th: Production
- March 23th: Production
- March 30th: Post-Production
- April 6th: Post-Production
- April 10th - 13th: Viet Film Fest

ABOUT WORKSHOP FACILITATOR

thucm nguyen is the youngest of 11 children, with 21 nieces and nephews. Both of his parents committed their lives to social work and instilled in him a strong sense of community and service. thucm has been involved with youth and community work for over 25 years and is currently an aspiring film-maker with a love for documentary films and the power of storytelling.

For more information: <http://www.vaala.org/youth-in-motion.html>



www.vaala.org



tiếp theo trang 7

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Văn là để chuyện chỗ đạo lý, đạo lý nhân sinh, đạo lý vũ trụ, đạo lý tôn giáo. Văn mà để chuyện chỗ đạo lý thì đạo lý chính là chất liệu nội dung, còn văn chỉ là dụng cụ để chuyện chỗ. Trong quan điểm ấy, cái quan trọng là nội dung đạo lý chứ không phải là dụng cụ chuyện chỗ. Cho nên, người ta không mấy chú trọng đến văn, mà tập chú vào nội dung đạo lý được chuyện chỗ. Một thể thức văn học như vậy tất nhiên không thể phát huy hết được khả năng ưu việt của ngôn ngữ, của văn chương.

Thực ra, thể thức "văn dĩ tải đạo" ấy, đến một mức độ nào đó sẽ phát dương đầu với tình trạng bế tắc

không có lối thoát! Đó chính là sự bế tắc của ngôn ngữ như là phương tiện chuyện chỗ đạo lý. Bởi vì, đạo lý trong ý nghĩa bản thể luận hay siêu hình học có thể là chân lý cao siêu vì diệu vượt ngoài mọi diễn đạt của danh ngôn. Nếu phương tiện chuyện chỗ nó không phải là thứ phương tiện thiện xảo tối hảo có khả năng tự vượt mọi biên tế thì không thể nào làm tròn được sứ mệnh kho khăn tốt cùng mà phương tiện bình thường có thể đảm đương. Thực tế, cũng giống như văn học tổng quát, người ta khó có thể đưa ra một định nghĩa chắc nịch hay một tiêu chuẩn cố định như thế nào đó về nghệ thuật ngôn ngữ. Nhưng

có điều chắc chắn là bất cứ người nào đã từng kinh nghiệm qua việc thường làm văn học cũng có thể cảm nhận ra được một cách minh nhiên hương vị của nghệ thuật ngôn ngữ khi thường thức một tác phẩm văn học mà trong đó ngôn ngữ đã thật sự trở thành nghệ thuật đúng nghĩa. Tuệ Sỹ viết về một tác phẩm văn học xưng đang như sau: "Trong ý nghĩa vừa nói, một tác phẩm xưng đang với một kích thước rộng lớn, nó phát khởi lên từ cảm hứng của thực tại; vì rằng, ngay qua đó, người ta sẽ thấy một cách như thực đâu là tiếng nói của thực tại và đâu là tiếng nói của lòng người: thực tại tức lòng người." [9] Nguyễn Hưng Quốc khi viết về chất thơ đã đưa ra 3 tính chất là: "Gợi cảm, hương thượng và mở ra màn mào một cõi đẹp con ẩn khuất đâu đó nhưng chắc chắn là bao la, không cùng không tận" [10]

Nhà phê bình văn học Bùi Vinh Phúc đã viết:

"Martin Heidegger, triết gia nổi tiếng của Đức, thì nhận xét rằng một tác phẩm nghệ thuật chắc chắn phải là một vật được bàn tay, khối óc người nghệ sĩ làm ra, nhưng một tác phẩm như thế phải nói lên được một cái gì đó cao và xa hơn chính bản thân nó, *alio agoreus*. Tác phẩm ấy phải là một thứ dự ngôn để nói về một cái gì khác, sâu sắc và tế mẫn hơn." [11]

Ngôn ngữ là yếu tố tối ưu quan trọng trong đời sống của con người. Ngôn ngữ để gọi tên mọi thứ, sự vật và sự kiện, hình ảnh và vô hình. Qua ngôn ngữ con người có thể hiểu biết sự vật và sự kiện. Không có ngôn ngữ thì sự vật và sự kiện không có tên gọi. Sự vật và sự kiện một khi không có tên gọi thì con người không làm sao hiểu biết được chúng. Bởi vì muốn hiểu biết điều gì, vật gì, con người cần phải tích chứa các khái niệm, các phạm trù, các dự kiện về điều gì, vật gì qua dạng thức danh ngôn. Vì vậy, khi nhìn thấy, khi nghe

đến, khi nhớ đến, khi suy tư về điều gì hay vật gì, con người có sẵn sự hiểu biết về chúng, ít ra cũng là những khái niệm cơ bản hoặc tổng quát nhất được chuyện chỗ qua dạng thức danh ngôn. Con người không thể nào hiểu biết một sự vật hay sự kiện nếu không có bất cứ một mối liên hệ danh ngôn nào với chúng! Sự tiếp cận trực tiếp với pháp được gọi là hiện lượng hay trực giác tiên thiên ở đó vắng mặt ý thức danh ngôn. Vậy, thế giới danh ngôn ấy hình thành như thế nào, theo quan điểm của Phật giáo? Tuệ Sỹ đã mô tả trong tác phẩm Huyền Thoại Duy Ma Cật như sau: "Đối với thế giới của chúng ta, ngôn ngữ trước hết là sự kết hợp các âm vần (mỗi vật được chỉ định bằng một danh [nama]. Các danh kết hợp thành cú [pada]. Các nhà Hữu bộ liệt danh vào hành uẩn. Các nhà Kinh bộ liệt trong sắc uẩn vì cho rằng thế của danh là thanh [sabda]. Cf. Câu Xa 5, T29n1558, tr. 29a23), hoặc đơn âm hoặc đa âm, từ



"THE PATH TO WELLNESS"

The mission of my pharmacy is to provide medication for the patients and the proper counseling and education to ensure proper usage of medicines. We highly emphasize on understanding of diseases and proper way to take medications.

TAO WELLNESS Pharmacy

16931 Bushard st. fountain Valley, Ca 92708 714-593-5654



Hình minh họa: Sông Hòa Trung

đo quy ước ý nghĩa và nội hàm của sự vật hay sự việc.”

“Khi một đối tượng nhận thức được lưu trữ trong kho chứa của thức để sau này có thể truy cập như là hoạt niệm hay kinh nghiệm, nó được lưu trữ với một tên gọi hay danh. Ảnh tượng được lưu trữ của nó bấy giờ là công năng tiềm thế, tồn tại ở đó cho đến khi hội đủ điều kiện thì tái hiện trở lại. Công năng ấy được gọi là danh ngôn tập khi, tức chúng từ được tích lũy dưới dạng danh ngôn.”[12]

Nơi đến tập khi là nơi đến qua trình huấn tập lâu dài, mà trong đạo Phật, nó có thể diễn ra qua nhiều đời nhiều kiếp. Trong quá trình huấn tập đó, một chúng sinh có thể đa từng kinh lịch qua nhiều môi trường danh ngôn khác nhau, như môi trường danh ngôn của loài người, loài trời, loài súc sinh, v.v... Do đó, ý niệm về sự vật và sự kiện cũng có thể khác nhau tùy theo chúng loại. Trong môi trường danh ngôn của loài người, quá trình huấn tập của tập khi danh ngôn cũng có khác từ đất nước này sang đất nước khác, từ thời đại này sang thời đại khác, từ nền văn hóa này sang nền văn hóa khác, v.v... Khi sử dụng ngôn ngữ để gọi tên sự kiện hay sự vật, con người cũng không sử dụng một loại hình ngôn ngữ giống nhau. Mỗi loại hình ngôn ngữ đều mang trong nó bối cảnh lịch sử hình thành và phát triển khác nhau. Và do đó, mỗi loại hình ngôn ngữ đều chưa đựng các khái niệm, các phạm trù danh ngôn khác nhau. Người Việt Nam nói đến mặt trăng với cả một bối cảnh huyền thoại và hiện thực khác với các loại hình ngôn ngữ của các dân tộc khác. Ngay này, với tính trạng tương quan, tương duyên, tương tức, tương nhập của các

nền văn hóa và ngôn ngữ của toàn nhân loại càng lúc càng kháng khiết lẫn nhau, sự khác biệt của tập khi danh ngôn đa ngày càng bị mờ nhạt. Chính vì lẽ đó, các loại hình ngôn ngữ càng lúc càng có những tương giao gần bó với nhau. Sự kiện đó dẫn đến tình trạng tương đồng trong cách nhận thức về bối cảnh của các loại hình ngôn ngữ khác nhau trước đây. Bằng chứng là, dù một người đang sử dụng một loại hình ngôn ngữ khác khi đọc một tác phẩm văn học của một tác giả sử dụng loại hình ngôn ngữ khác cũng có thể thấm thấu được đầy đủ ý nghĩa của tác phẩm văn học được phổ biến trong loại hình ngôn ngữ hoàn toàn khác với loại hình ngôn ngữ của mình. Nói vậy, không có nghĩa là ngôn ngữ đa có thể xóa hết bối cảnh tập khi danh ngôn mà nó đa hình thành và phát triển theo lịch sử riêng của nó. Nhờ tập khi danh ngôn ấy mà con người có thể nắm bắt và gọi tên sự kiện và sự vật. Khi sự kiện và sự vật được gọi tên, được phổ biến trong một cấu trúc ngôn ngữ mang tính nghệ thuật sung mãn, thì đó là loại hình văn học. Nói đến nghệ thuật sung mãn trong văn học là phải nói đến yếu tố tình sáng tạo. Sáng tạo, nói nôm na là tạo ra cái mới. Nhưng ngay trong cấu trúc thích vừa rồi chúng ta thấy có hai vấn đề rất lớn, không những lớn mà còn có vẻ tương khác nhau nữa. Đó là một bên là hành động tạo ra và bên kia là cái mới.

Cái mới là gì? Câu hỏi này về mặt thực chứng luận và mỹ học không khác mấy với câu hỏi trong nhà Thiến: Thiến là gì? Đó ai có thể giải thích một cách cặn kẽ thấu lý câu hỏi đó. Cùng vậy, thật khó để đưa ra một giải thích minh bạch

tiếp theo trang 16

tiếp theo trang 1

BUỔI CHIỀU TRÊN NGHĨA ĐỊA HÀNG DƯƠNG

hấp lực cực mạnh khiến tôi gật đầu không chút gì ngăn ngại. Chiếc ghe vượt biên anh đóng sắp hoàn tất và đa hứa danh cho tôi một chỗ. Nghi đến việc ra đi không hẹn ngày trở lại, thăm Côn Đảo là dịp hiếm hoi không thể bỏ qua. Côn Đảo là đất lịch sử của cách mạng Việt Nam, điểm hẹn của những tâm hồn yêu nước và cũng là nơi nhà cách mạng Phan Chu Trinh từng tả “Bốn mặt đầy vô oai song gió / Một mình che chở tôi non sông” trong bài thơ “Đáp đa Côn Lôn” nổi tiếng của ông. Người anh cùng sở lam lo hết các phương tiện cần thiết, và như thế chúng tôi đi. Anh có vài việc phải đi, còn tôi chỉ đi theo cho biết chứ không làm gì cả. Khi anh làm xong việc, thời gian còn lại anh em chúng tôi đi vài nơi trên đảo. Côn Đảo ngày chúng tôi đến còn rất hoang vắng. Nhưng khu tu chính trị đa giải tán từ lâu. Tu chính trị mới không bị đưa ra đây mà vào Chi Hòa, Phan Đăng Lưu hay các trại tu miền Bắc. Các khu trại giam Côn Đảo đa trở thành một viện bảo tàng nhưng ít có người thăm. Bên cạnh nhưng xa lắm nơi các đảng viên Cộng sản cấp trung ương từng bị giam giữ, Côn Đảo còn có những khu nổi tiếng vì được báo chí phản chiến Mỹ và Việt khai thác tận tình như chuồng cạp, chuồng bò. Khu chuồng cạp được xây từ thời thực dân, cụ kỷ, lịch thước rộng bằng nhưng lớp học nối tiếp nhau. Đặc điểm của khu chuồng cạp là phong giam không có mái

che mà chỉ có những bờ tường dày và thanh sắt lớn. Chỉ coi sóc ở đây, vốn là một tu nhân Côn Đảo, cho biết trên bờ tường dựng sẵn nhiều thùng vôi bột, nếu tu nhân là ở, phân phối, trật tự tu sẽ đổ vôi xuống. Trên đường ra về chúng tôi đi theo chị coi sóc nhà tù đến nghĩa địa Hàng Dương. Nắng đa dịu nhiều. Mặt trời đang xuống dần bên kia đỉnh núi. Được gọi là Hàng Dương có lẽ vì chung quanh nghĩa địa có rất nhiều dương liễu. Nghĩa địa có nhiều khu. Mỗi khu có vài trăm ngôi mộ. Chỉ trình trọng giới thiệu một ngôi mộ mà chị gọi là rất linh thiêng: mộ chị Võ Thị Sáu. Tôi không biết gì nhiều về chị Sáu ngoài bản nhạc bắt đầu với “Mua lê kìa nó, ở quê tôi miền đất đỏ” và đọc đầu đo chuyện chị bị xử bắn khi còn trong tuổi vị thành niên. Tám bìa trên mộ chị Sáu hướng về phía biển và nổi bật lên vì ngày đo đa được xây cao hơn các ngôi mộ khác. Phía sau mộ chị Sáu có một cây dương liễu cụt ngọn, cằn cỗi, trên tán cây có những chồi xanh nhú lên. Việc một cây bị chặt ngọn nên sinh ra những nhánh non là chuyện bình thường nhưng qua lời giới thiệu của chị hướng dẫn thì đo là một điều kỳ diệu, một dấu chứng linh thiêng, điểm báo của một cái cụ tàn đi nhưng những cái mới ra đời. Ngay cả một cây dương liễu cũng được giải thích bằng lý luận và niềm tin Cộng Sản. Anh tôi không thích cảnh nghĩa trang buồn tẻ nên

đa đi dạo nơi khác. Cả chị hướng dẫn cũng đi ra ngoài. Tôi ngồi một mình nhìn mấy trăm ngôi mộ, có tên và không tên, được đắp và không được đắp, cao thấp không đều. Bên cạnh một số mộ có bia, tên tuổi và vừa được chỉnh trang, hẳn là của các đảng viên Cộng sản cao cấp, rất nhiều ngôi mộ không có ngày cả năm thế gờ ghi tên, có mọc đầy sau nhiều năm chưa được một lần chăm sóc. Phần lớn các ngôi mộ trong nghĩa địa Hàng Dương là dấu tích tàn ác của thực dân Pháp. Thời Việt Nam Cộng hòa, chuyện ở tù Côn Đảo cho đến chết là chuyện hiếm hoi. Hầu hết tu chính trị chỉ ở một thời gian ngắn trước khi được đưa ra Thạch Hãn, Thiện Ngôn, Lộc Ninh, Bồng Sơn để trao trả về phía bên kia như đa ghi lại một cách chi tiết trong tác phẩm kỷ sự Tu bình và hòa bình của nhà văn Phan Nhật Nam. Hôm qua, khi bắt đầu viết bài này tôi vào Google tìm mộ chị Võ Thị Sáu. Cây dương liễu đa chết và được thay vào đo bằng cây phượng đỏ. Ngôi mộ của chị cũng được xây bằng đá đen, cao hơn ngôi mộ cụ nhiều và không phát sơn màu với trắng như lần tôi đến. Nghĩa địa Hàng Dương bây giờ là một trung tâm du lịch, màu sắc loe loẹt, không còn nhưng mộ cỏ hoang vu, nhưng con đường đất hẹp và những hàng dương cằn cỗi chung quanh. Tôi không cảm thấy chút nào xúc

tiếp theo trang 18

TIẾP THEO KỶ TRƯỚC

LƯỢC SỬ GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

Biên khảo của Cố Trưởng Niên **TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC**
Nguyễn Ủy Viên Nội Vụ BHTU/GĐPTVN

(Đoạn này là trích từ “Việt Nam Phật Giáo Sử Luận,” Nguyễn Lang - trang 104, tập 3)

“... Cùng vào khoảng năm 1940, cơ sở của tổ chức Thanh Thiếu Niên Phật Tử được thành lập - Từ 1932 nhưng tổ chức thiếu niên thiếu nữ đa có mặt rồi, được gọi là những ban Đồng Ấu, ở Trung thì do các vị như Bửu Bác chăm sóc dạy dỗ, ở Bắc thì do các vị như Công Châu luyện tập. Tuy nhiên những ban Đồng Ấu này chưa đích thực là những tổ chức giáo dục thanh thiếu niên theo phương pháp mới(?) (Ông Robert Baden Powell - người dân Anh Quốc (1857-1941) đa sang lập Hướng Đạo năm 1908. Xuất thân là một sĩ quan trong quân đội Anh; trong thời gian ông phục vụ trong quân đội Anh tại miền Nam Phi Châu, và trong quá trình trận

đánh với quân Boers (1899-1902) ông có sang kiến huấn luyện và sử dụng các trẻ em người Phi lam “liên lạc viên” và “do thám.” Khi về Anh quốc, ông mới thành lập phong trào Hướng Đạo. Về sau phong trào được lan rộng qua Âu Châu và trở thành “Hướng Đạo Thế Giới.” Em gái của ông, Bagnes, sau đo hai năm thành lập Hội Nữ Hướng Đạo. Sở dĩ, có phần ghi chú thêm này là vì, sau này Gia Đình Phật Hoa Phổ (1947) được tổ chức lại, cũng dựa theo một phần phương thức sinh hoạt của Hướng Đạo Pháp (Hướng Đạo Thế Giới.)

Năm 1940, Tâm Minh Lê Đình Thám quy tụ một số thanh niên tri thức tân học tại Huế, phần lớn là con cháu các cụ sĩ đa từng hoạt động trong hội An Nam Phật Học, và thành lập đoàn thanh niên Phật Học Đức

dục. Ông cũng gọi cái tổ chức ấy bằng danh từ Pháp ngữ “Commission d’ Etudes Bouddhiques et de Perfectionnement Moral.” Nhưng thanh niên tân học này không học Phật Pháp bằng những văn bản Hán văn xưa. Họ được nghe trình bày đạo Phật theo đường lối tân học, cho nên học hiểu giáo lý rất mau chóng. Đồng thời với Phật học, họ còn được học Nho học và Lão học nữa. Ông Đình Văn Chấp, tiến sĩ Hán học, đa tham dự vào việc giảng huấn cho lớp này. Ông đa giảng các sách “Đại Học” và “Trung Dung” của Nho giáo... “Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục lúc ấy là tượng trưng cho một đạo Phật rất “mới”. Bài ca chính thức của đoàn được soạn và hát ca bằng tiếng Pháp...”

(Còn tiếp)

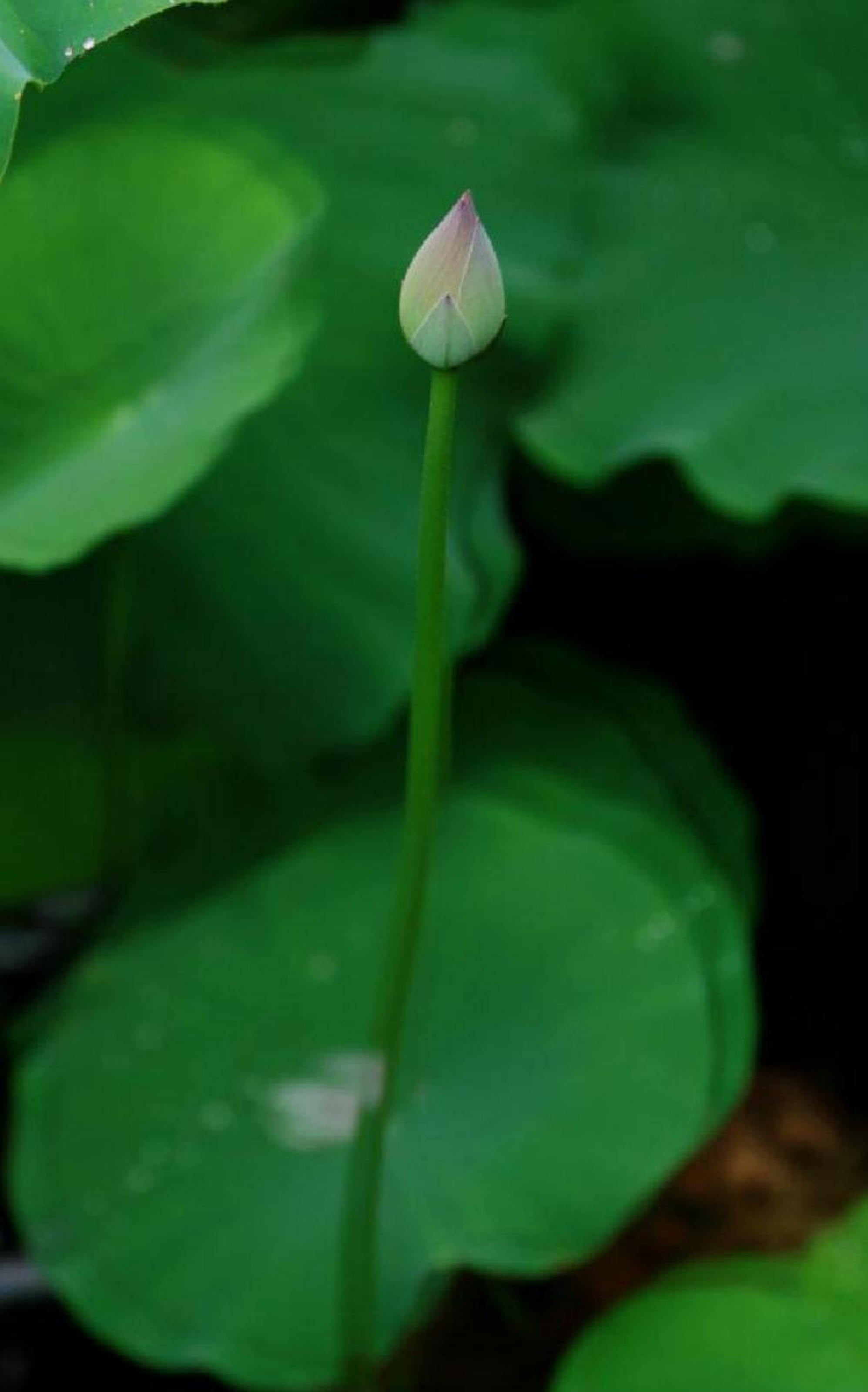


Hoa Sen (Hinh: HU TI's Photo)

TRỢ GIÚP

HOÀNG LONG

Vạn sự trong cuộc đời này luôn khởi đầu từ một bước chân. Không ai đi thay ta được quãng đường ta đã chọn. Những công trình lớn, vĩ đại được xây dựng từ những nỗ lực nhỏ nhoi, không tên ngày này qua tháng khác với sự chăm chỉ, miệt mài. Đôi khi anh cũng buồn và nản lòng nhưng biết làm sao khác được. Nghỉ một một chút rồi lại cặm cụi làm việc, cần mẫn tiến lên thôi. Không ai hiểu và cũng không cần ai hiểu. Đó là cuộc chiến với chính bản thân mình. Đôi khi anh quay về thế giới mà mình đã tạo dựng, ngồi bó gối nhìn xa xăm như để nghỉ mệt, như để lãng quên. Nhưng trên hết là để nhắc nhở mình đừng bao giờ quên cái sơ tâm ban đầu, cái ước vọng mà vì thế mình đã chọn con đường này. Không oán trách, không than vãn. Chỉ ngồi lặng lẽ trong thế giới của mình, nhìn lại bóng hình mình tuổi nhỏ, nhớ về một vài khoảnh khắc xa xăm nhưng đã đông cứng lại thành tượng đá, đặt trong một góc thế giới của riêng mình. Có khi anh cũng ngủ lại vài đêm trong thế giới đó để "ôn chuyện xưa cũ, gói trọn trong tuổi nhỏ" như Trúc Phương. Nhưng thường thì anh sẽ đứng dậy bước đi sau một vài giờ nghỉ mệt để tiếp tục làm công



Hoa Sen (Ảnh: HUY's Facebook)

việc của mình. Vắn đá lên đỉnh rồi thả xuống. Rồi bắt đầu lại từ đầu. Như Sisyphus. Và trên hết trong khi bước đi từng bước như vậy anh được là chính mình. Anh tự do tạo dựng cuộc đời, tự do lựa chọn cách mình trở thành rồi trưởng thành. Niềm vui ấy là ý nghĩa sống của anh. Và khi anh lên đến đỉnh, thả tay cho hòn đá lăn xuống anh nhìn xung quanh mình vô số những ngọn đồi nhỏ, bao la sinh vật đang vắn đá giữa chừng nhìn thấy anh mà có động lực để tiến lên tiếp nữa, để làm trọn công việc hiện hữu riêng mình. Chẳng phải riêng điều đó đã là sự giúp đỡ lớn nhất mà con người và các sinh vật có thể dành cho nhau hay sao?

Sài Gòn, ngày 10/1/2014

HOÀNG LONG

BUỔI CHIỀU TRÊN NGHĨA ĐỊA HÀNG DƯƠNG



Hình minh họa: Sông Hàn Trưng

động khi nhìn lại cảnh nghĩa địa Hàng Dương mà chỉ tội nghiệp cho các em học sinh đang sắp hàng vào xem các di tích được gọi là cách mạng ở Côn Đảo. Các em đi xem kịch mà tưởng mình đang tìm về lịch sử cha ông. Một trong những đặc điểm của chế độ Cộng sản là lừa dối. Không phải chỉ Việt Nam mà mọi quốc gia Cộng sản đều như thế. Khi chế độ Cộng sản Đông Đức sụp đổ, báo chí

kham pha trong cơ sở dữ liệu của cơ quan an ninh Stasi một hệ thống lừa dối có tầm vóc quy mô ngoài giới hạn đạo đức của con người. Việc nghĩ kỹ, lừa dối không chỉ ở năm trong hệ thống đảng, các cơ quan nhà nước, mà cả trong mỗi gia đình ruột thịt, máu mủ thân yêu. Anh lừa dối em. Vợ lừa dối chồng. Cha mẹ lừa dối con cái. Cháu chắt lừa dối ông bà. Lừa dối là phương tiện duy nhất để

tồn tại trong xã hội Cộng Sản. Tại Việt Nam cũng thế. Với kịch tuyên truyền mà Đảng đã đóng suốt mấy chục năm qua làm cho người nhận thức của nhiều thế hệ Việt Nam. Từ chuyện Lê Văn Tám lấy thân mình làm đuốc đến chuyện Tôn Đức Thắng kéo cờ Cộng sản trên Hắc Hải đều là những chuyện hoang đường nhưng nghe riết cũng quen tai, nghe riết nên tin là chuyện thật.

Có một thời không ít người dân miền bắc còn tin rằng nhưng khẩu CKC, AK47 của mấy chị dân quân đã tung bắn hạ nhưng F-4 Phantom, F-111 của Mỹ. Theo lời kể của cựu Trung Tướng Ye vgeni Antonov, nguyên trưởng đoàn cố vấn quân sự của Liên Xô tại Việt Nam trong một bài báo trên tờ Pravda nhân dịp đánh dấu 30 năm cuộc chiến Việt Nam chấm dứt, Liên Xô đã gởi nguyên một trung đoàn phòng không với đầy đủ vũ khí và trang bị sang Việt Nam tham chiến và 13 người lính phòng không Liên Xô đã chết trên đất bắc. Nhưng chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội, kể cả chiếc chiến đấu cơ F4 Phantom của Thượng Nghị Sĩ John McCain, cũng từ hóa tiên của các đơn vị Hồng quân Liên Xô chứ không phải từ "Bộ đội phòng không anh hùng", nơi chỉ là các chị dân quân núp bên bờ ruộng như trong mấy bức ảnh tuyên truyền của đảng. Cùng theo lời kể của cựu thiếu tướng Liên Xô Ye vgeni Antonov, chỉ huy lực lượng phòng không Liên Xô tại Việt Nam từ 1969 đến 1970, Việt Nam chỉ là một phòng thí nghiệm cho vũ khí Liên Xô. Họ muốn đánh thám sử dụng vũ khí để chuẩn bị cho việc máy bay Mỹ và NATO oanh tạc vào nội địa Liên Xô trong trường hợp có chiến tranh giữa hai khối sau này. Cuộc chiến đã tàn, chế độ cũng đã tan, ngọn đèn đời sắp tắt, nhưng người

lãnh già Nga chẳng bị áp lực nào để phát nơi dốt, để tuyên truyền, để bảo vệ cho đảng, hay cho cá chính mình. Họ chỉ còn kỷ niệm, và kỷ niệm của tuổi về chiến thương thánh thật, trong sáng như những ngày mới lớn. Bên cạnh Liên Xô, vào thời điểm 1967 ngoài hàng vạn tấn đạn được, vũ khí, đã có 16 sư đoàn với 170 ngàn quân Trung Quốc tại miền Bắc Việt Nam để yểm trợ cho đảng Cộng sản Việt Nam nhưng đồng thời để bảo vệ vòng đai an ninh của Trung Quốc. Tội ác của đảng Cộng sản Trung Quốc đối với dân tộc Việt Nam, từ các tư tưởng độc hại đến vũ khí giết người, từ cái cách ruộng đất đến đến Hoàng Sa, Trường Sa, từ chiến tranh biên giới đến trận chiến Lào Sơn, không thể viết hết trong một bài, trong một cuốn sách mà phải xây dựng một trung tâm dự kiện. Mau đổ, thấy rơi, nhà tan, cửa nát ở Hà Nội, Hải Phòng là điều có thật. Nhưng mất mát đau thương vô cùng to lớn của đồng bào miền Bắc đã chịu đựng được đạn bom Mỹ là điều có thật. Cảm thù, phản uất vì thế là nhưng phản ứng tự nhiên. Tuy nhiên không phải chỉ vì để quốc Mỹ đã đơn phương xâm lược Việt Nam như các thế hệ sinh viên học sinh đã và đang được dạy. Hơn ba mươi năm là một thời gian đủ dài để đồng bào miền bắc, các thế hệ trẻ miền bắc có gia đình chịu đựng

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

và cụ thể về câu hỏi: cái mới là gì. Thời thì hay nói theo thể điệu bình dân cho dễ hiểu, cái mới là cái chưa từng xảy ra, chúng ta chưa từng thấy, chưa từng nghe, chưa từng chứng kiến, chưa từng có kỷ niệm trước đó. Cái mới trong lãnh vực văn học có thể hiểu là cái gì độc đáo, hay ho, cao đẹp, tuyệt diệu, vượt lên trên những gì bình phàm mà con người chung đụng. Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc có lần nói: "Cách định nghĩa tiêu cực và mơ hồ, thậm chí hàm hồ này, lại tiết lộ hai đặc

điểm nổi bật làm nên bản chất của cái mới: tính độc sáng và tính tiến phong." [13] Nhưng, vấn đề là, nếu cái mới hoàn toàn xa lạ với đời sống thường nghiệm, thì từ đâu mà nhà nghệ thuật có được nó? Câu hỏi này dẫn chúng ta trở về lại vấn đề thứ nhất đã được nêu ở trên là hành động tạo ra cái mới. Trong văn học nó là sự sáng tác. Ở đây chúng ta lại gặp phải một vấn nạn khác, đó là sáng tác là một hành động thường nghiệm của nhà nghệ thuật, vậy, có thể nào

một hành động thường nghiệm mở ra thế giới siêu nghiệm? Nhận định về điều này, nhà văn Trần Hữu Thục đã viết: "Chất liệu sáng tạo chắc chắn phải xuất phát từ hiện thực, nhưng không phải sao chép từ hiện thực. Thứ nhất, điều đó bất khả. Thứ hai, một sao chép như thế không mở ra cho con người bất kỳ một chân trời nào mới lạ. Thứ ba, hành vi sáng tạo phải từ chủ thể, một hành vi đi trực tiếp từ tâm thức ra. Hành vi sáng tạo, từ bản chất, phải xảy dựng trên một cái gì khác hẳn với hiện thực, vượt lên trên hiện thực mà ta tiếp nhận." [14]

Tuy nhiên, tâm, cơ sở tiếp nhận thực tại và mở ra cái mới, trên bình diện tương đối vốn là kho chứa của tập khi danh ngôn. Bản thân của tập khi danh ngôn chính là những hạt giống (chủng tử) được

huân tập qua kinh lịch của đời sống thường nghiệm, trong đời này hay những đời khác. Điều đó có nghĩa là tập khi danh ngôn cũng không thể thoát ra khỏi mối tương quan liên hệ chặt chẽ với kinh nghiệm thường nghiệm trong đời sống hằng ngày. Kinh nghiệm thường nghiệm không gì khác hơn là bối cảnh tư duy, ngôn ngữ và hành động tương tác với thế giới hiện thực, trong đó có ngoại cảnh, có cảm tính, có sắc thái phản ánh môi trường sinh hoạt của cá nhân, gia đình, học đường, xã hội, giáo dục, văn hóa, đạo đức, tôn giáo, v.v... Ngay như phương tiện mà nhà văn học dùng để biểu đạt hiện thực và cảm quan của mình là ngôn ngữ cũng là một bộ phận của cấu trúc văn hóa mà nhà văn học chịu tác động. Như vậy, một cách tổng quan, tư phương tiện chuyển tải là

ngôn ngữ đến hiện thực tiếp cận đều là những gì đã có, là những cái cũ. Vậy thì rõ ràng là hành động tạo ra cái mới tự nó vốn không phải là cái gì mới.

Vấn đề ở đây là, tư hành động cũ, có thể nào tạo ra cái gì đó hoàn toàn mới lạ? Cùng một vấn nạn như vậy, các nhà Phật học đưa ra một hình ảnh thật cụ thể để minh giải. Hình ảnh ấy là trong hành động dùng hai cây củi cọ xát vào nhau, đến mức nào đó lửa sẽ phát ra, và một khi lửa bùng cháy thì cũng chính lửa đó sẽ đốt ra tro hai cây củi kia. Thế là giả không thể không vận dụng tâm thức thường nghiệm để quán chiếu thực tại, nhưng lúc đạt đến sự bùng nổ của kiến tánh thì mọi vô minh và trần sa hoặc, mọi triền phược và giới hạn đều bị thiêu rụi.

NHỜ ĐAU DÂN TỘC VIỆT VẪN CÒN
SAU NGÀN NĂM BẮC THUỘC?

ĐỨNG VỮNG NGÀN NĂM

tác giả NGÔ NHÂN DUNG



NOT ONLY "GREAT BOOKS"

NGUOI VIETshop

www.nguoi viet shop.com

LET'S ORDER NOW

đầu thương bất hạnh trong chiến tranh, nhìn lại cuộc chiến một cách khách quan và so sánh với thực tế đất nước để qua đó biết rõ những ai và học thuyết nào chính là nguyên nhân của chiến tranh, độc tài và chậm tiến hơn này.

Đảng Cộng sản có thể tùy thích tạo ra hàng trăm đảng viên có Lê Văn Tám, Tôn Đức Thắng. Đó là chuyện nội bộ của đảng nhưng họ không có quyền biến Côn Đảo thành tài sản riêng của đảng, không có quyền mà hoặc của các thế hệ trẻ Việt Nam bằng các mẫu chuyện hoang đường kiểu Lê Văn Tám như bộ máy tuyên truyền Liên Xô đã tung toé điếm lên một cậu bé nhà nông Pavlik Morozov bất hiếu trước đây. Côn Đảo cũng không phải là đất hương hỏa của Marx, Lenin để lại cho đảng Cộng sản Việt Nam mà là đất thiêng của cách mạng Việt Nam nơi nhiều thế hệ đã lấy xương thịt mình làm phân bón cho mầm xanh tương lai dân tộc.

Trong nghĩa địa Hàng Dương, bên chiếc cầu đá phía bên phải dinh chùa đảo, trước nhưng xa lắm chật hẹp, một ngày không xa, các thế hệ Việt Nam sẽ đến đó, không phải để nghe kể công, nghe tuyên truyền mà đến để im lặng cúi đầu tưởng niệm các

anh hùng dân tộc. Họ là ai? Họ là những đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội, Phong trào Đông Du, Phong trào Duy Tân, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân Đảng, Đại Việt Quốc dân Đảng, Đại Việt Dân chính, Dân Xã Đảng, Đảng Lập hiến, Đại Việt Duy dân và nhiều tổ chức, phong trào không Cộng sản khác.

Họ là ai? Họ là tin đó các tôn giáo, nhất là Cao Đài và Hòa Hảo, hai tôn giáo được ra đời tại miền Nam, có truyền thống kiên quyết chống cả thực dân lẫn Cộng sản.

Nếu họ đã tung là đảng viên Cộng sản thì sao? Không sao cả. Như tôi đã có dịp viết vài lần trên diễn đàn này, việc tham gia vào đảng Cộng sản của một số người Việt Nam, chủ yếu là để được tổ chức hoa nhám mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng để đảng hơn chứ không phải vì tin vào chủ nghĩa Cộng Sản. Ngày đó, vì điều kiện giao thông khó khăn, nui non cách trở, sự phát triển của các đảng phái chống thực dân ít nhiều bị giới hạn bởi các đặc tính địa phương, bà con giống họ, hoàn cảnh trường thành. Nếu họ sinh ra ở Quảng Nam họ sẽ gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng, sinh ra ở Quảng Trị họ sẽ gia nhập Đại Việt, sinh

ra ở Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang họ sẽ gia nhập Dân Xã Đảng. Đó là trọng điểm của các đảng phái chống Pháp trong những thập niên đầu của thế kỷ 20. Ông bà chúng ta có sung dung sung, có gậy dùng gậy, và trong nhiều trường hợp chỉ là những bàn tay không gậy yếu. Nhưng người Việt yêu nước thời đó chọn lựa đảng phái như chọn một chiếc phao để đưa dân tộc sang bờ độc lập. Nhưng nông dân hiền hòa chất phát, nhưng công nhân đầu tắt mặt tối làm sao biết được con đường họ đi không dẫn đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám cũng là chiếc bẫy buộc chặt chẳng những cuộc đời họ mà còn gậy hệ lụy cho cả dân tộc đến ngày nay.

Tôi tin, phần lớn những người yêu nước đã chết trong giấc mơ về một Việt Nam hòa bình, độc lập chứ không phải trong giấc mơ về một xã hội Cộng sản đại đồng. Người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, không đánh thuê, đánh mướn cho một chủ nghĩa, một ý thức hệ ngoại lai vọng bản hay cho một quyền lợi đế quốc nào sẽ không bao giờ bị lãng quên. Lịch sử sẽ đánh giá, dân tộc sẽ ghi ơn họ một

cách công bằng.

Tôi tin, cuộc chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến chính nghĩa. Đó là cuộc đấu tranh đầy gian khổ nhưng anh hùng của một dân tộc bị nô lệ đã đứng lên chống lại một thực dân tàn bạo. Trong suốt gần một thế kỷ trong bóng tối thực dân, hàng vạn đồng bào thuộc nhiều thế hệ Việt Nam đã bị bắt, tra tấn và đã hy sinh trên Côn Đảo. Ngoài một Nguyễn An Ninh để lại thịt xương, một Trần Cao Văn, một Phan Chu Trinh để lại những bài thơ viết bằng máu và mồ hôi trong những ngày đập đá, còn có hàng ngàn, hàng vạn đồng bào đã chết trong âm thầm, không để lại họ tên.

Nhưng cho dù họ có để lại dù họ tên đi nữa, các thế hệ Việt Nam sau 1975 cũng không có quyền biết đến họ, không có cơ hội để cảm ơn họ, để thắp một nén hương, và phần mộ họ một mai có thể sẽ bị san bằng theo mưa nắng. Đảng Cộng sản không chỉ nhuộm đỏ miền Nam, nhuộm đỏ Việt Nam mà còn cố tình nhuộm đỏ cả lịch sử.

Côn Đảo ngày nay gắn liền với tên tuổi của các đảng viên Cộng sản trung ương Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Hà Huy Tập, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Lê Quang Vinh v.v. Các

em học sinh đang sắp hàng chờ vào xem nhưng xa lắm lắm lắm sao biết được, với số đảng viên vốn trên 5 ngàn vào mùa thu 1945, đảng Cộng Sản, dù bị bỏ tù và chết gấp mười lần trong hai cuộc chiến, cũng không thể bằng với con số khoảng 200 ngàn người Việt Nam yêu nước đã tung ở tù Côn Đảo theo nhiều nguồn ước lượng. Các em cũng không biết rằng hàng trăm lãnh tụ cách mạng không Cộng sản mà đức độ và tài năng bao trùm nhiều lãnh vực như Đức Huỳnh Giáo Chủ, Trương Tử Anh, Phạm Quỳnh, Khai Hưng, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Thế Nghiệp v.v., đã không ở tù hay chết ngoài Côn Đảo chỉ vì họ bị Cộng sản thù thù ngay tại đất liền. Khác với đảng Cộng sản được thành lập từ nước ngoài theo chỉ thị của quốc tế Cộng sản và nhiều đảng viên được đưa sang Trung Quốc, Liên Xô huấn luyện một cách bài bản nhằm thực hiện các mục tiêu ngắn hạn cũng như dài hạn của trung ương đảng để ra, phần lớn đảng phái không Cộng sản đã sinh ra và lớn lên ngay trong lòng dân tộc với tất cả kho khăn, thiếu thốn về mọi mặt. Họ không chỉ bị

xem tiếp trang 16

Mang ý nghĩa triết lý thực chứng và văn học thâm thúy hơn, Táng Duệ, trong bài tựa của bản dịch Trung Quán Luận đã viết: "Thật phi danh bất ngộ, có kỹ trung di tuyên chí. Ngón phi thật bất tận, có giá luận di minh chí. Kỹ thật kỹ tuyên, kỹ ngôn kỹ minh, ư bố tất tọa đạo tràng chi chiếu lang nhiên huyễn giải hi."

Tuệ Sĩ đã diễn ý đoạn văn trên như sau: "Theo đó, thật hay thật tướng, chân lý cứu cánh, nếu không có ngôn thuyết thì không thể có con đường dẫn đến tỏ ngộ. Do đó, một tựa vào con đường giữa để công bố. Con đường giữa tức là con đường không bị ràng buộc bởi những siêu việt và nội tại, giữa khả thuyết và bất khả thuyết. Do chính là con đường im lặng trong nơi nắng và nơi nắng trong im lặng. Và rồi, như vậy, ngôn thuyết phải cần được minh giải để có thể lãnh hội thấu đáo. Do đó, mượn hình thức một tác phẩm luận thuyết để tỏ bày. Sau cùng, một khi sự thật đã được công bố nơi ngôn thuyết, và ngôn thuyết đã được tỏ bày thấu đáo trong cõi miền trầm lặng, thì bấy giờ, trong giây phút chứng ngộ tuyệt đối, bỏ tất soi tỏ thấu suốt tất cả tương quan giữa danh và thật." [15]

Đo chính là những gì uyên áo nhất được phát biểu trong Kinh Bát Nhã: "Bất hoạt giả danh nhi thuyết thật nghĩa." [16] Không phá bỏ danh ngôn mà vẫn có thể diễn bày trọn vẹn ý nghĩa như thật của thực tại. Ở đây không còn có sự ngăn cách giữa ngôn ngữ và hiện thực. Hiện thực nằm ngay trong ngôn ngữ và ngôn ngữ chính là hiện thực sống động. Trong ý nghĩa này, Krishnamurti đã có lần nói: "Vì thật ra ta có thể nghe



Ảnh minh họa: Internet

được cả ngàn lần nhưng buổi nói chuyện này và mỗi lần đều phát thấy một cái gì mới lạ." [17]

Tất nhiên, có người vẫn còn hồ nghi về tính chất cụ thể và khả thi của điều vừa được trình bày ở trên vì cho rằng, nói như thế thì có khác gì trở lại với tiền đề "văn dĩ tải đạo." Thực tế là hoàn toàn khác. Khác ở chỗ trong ý nghĩa vừa nêu, vẫn không còn là phương tiện để chuyển chỗ thực tại xét như là hai thế giới sai biệt, một bên là phương tiện ngôn ngữ và bên kia là thực tại mới là sinh động, mà văn chính là cái mới, cái sáng tạo. Như vậy, nhà văn học, người sử dụng nghệ thuật ngôn ngữ, phải có đủ năng lực để đẩy mình vào trọn vẹn trong cảnh giới sáng tạo. Một trong những bước nhảy phi thường mà nhà văn học sáng tạo thực hiện chính là khả năng tự vượt để

vượt thoát mọi giới hạn trôi buộc của thế giới danh ngôn, hay nói cụ thể hơn, của bối cảnh và hậu cảnh tâm thức, văn hóa, xã hội, v.v... Tuệ Sĩ đã viết:

"Nhưng, chính cái cảm hứng bằng bạc tư đầu đến cuối tác phẩm mới tạo cho nó một kích thước rộng rãi, một sức hăm chưa vô biên. Là cố nhiên, cảm hứng thì không thể bị điều động bởi bất cứ ý tưởng nào, mà bộc phát với một thế giới kỳ diệu đột nhiên xuất hiện." [18]

Điện mạo sáng tạo của nhà văn học và cũng là giá trị đặc thù của người sử dụng nghệ thuật ngôn ngữ là nằm ở chỗ này. Đến đây, câu hỏi được đặt ra là, có một nền văn học Phật giáo thực sự hay không? (Con tiếp)

HUYỀN KIM QUANG

Ngân huyền tiếng thơ em

Chiều cuối năm tại phi con ngựa sắt
Chạy ruổi rong xuyên biển lên đồi
Khắp néo giương hồ chánh tà lẫn lộn
Vô chiều rồi nên nhẹ nhõm em ơi!

Bao kẻ si thời này đều quý ẩn
Chẳng còn ai ngồi đối ẩm cùng nhau
Thời thì chỉ biết nghỉ ngơi hôn xướng
Ưống tình em cho đo bót ưu sầu

Du nhưc nhời ngắm ngời ôi thế sự
Văn dâng lên niếm hao khi bi hùng
Thầy kẻ tháng trăm bao chìm nổi
Đại dương long rộng mở chưa hăm dưng

Bùng vỡ hết giữa mùa hôn độn
Chốn trần gian sà mặc đa lân dâm
Vô ngựa đời ta chưa môn gót mới
Bãi con em rot chen rợp huyện ngàn

TÂM NHIÊN
www.vamkehuongviet.org

BUỔI CHIỀU TRÊN NGHĨA ĐỊA HÀNG DƯƠNG

chết dưới lưỡi đao phong kiến, máy chém thực dân mà còn chết trong bàn tay của những người cùng máu mủ với mình.

Đọc lại điển tịch của cuộc khởi nghĩa Yên Thế, quá trình thành lập các đảng phái không Cộng sản và lắng nghe các nhà cách mạng trải lòng qua thơ văn đậm đầy máu lệ, mới cảm thấy lòng yêu nước của thế hệ cha ông thật vô bờ bến.

Bằng hành trang duy nhất trên vai là lòng yêu nước, các nhà cách mạng không Cộng sản dần thân vào con đường giải phóng dân tộc trên chuyến xe chạy bằng máu của chính mình.

Chiều mưa hè năm đó, lần đầu tiên trong đời tôi xúc động đứng im lặng trước anh linh của những anh hùng đã ngã xuống cho độc lập tự do thật sự của dân tộc. Xương thịt của những người đã hy sinh từ phong trào kháng thuế miền Trung, Hà Thành đầu độc, khởi nghĩa Duy Tân, Thái Nguyên, Yên Bái hẳn đã hòa tan vào lòng đất mẹ nhưng anh linh họ vẫn là ngọn đuốc soi sáng giấc mơ Việt Nam độc lập, tự chủ của dân tộc.

Như tôi có lần đã viết. Giấc mơ của họ là giấc mơ của những người đế lung trắn, tộc cát ngăn, đông

khó che thân, đất bầy con, vượt bao nhiêu núi rừng ghềnh thác trong cuộc nam tiến đầy gian nan nhưng vô cùng hiên hách, từ dọc bờ Dương Tử di dân xuống lưu vực sông Hồng cách đây gần 50 thế kỷ. Trong lúc bao nhiêu bộ tộc Bạch Việt khác đã hoàn toàn bị tiêu diệt hay đồng hóa vào những tỉnh, nhưng huyện như Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam, Phúc Kiến của Trung Quốc ngày nay, giống giống Lạc Việt qua bao độ thăng trầm, vẫn tồn tại và trường thành như một nước Việt Nam.

Giấc mơ của họ là giấc mơ của những người đã tạo nên nền văn minh Việt Nam rất sớm. Nơi đó, từ nhiều thế kỷ trước Công nguyên, tổ tiên chúng ta đã biết trồng cấy ăn trái, biết làm đồ gốm, biết đeo đá thành những lưỡi cuốc nhọn, biết đắp đất ngăn bờ để đưa nước sông vào ruộng. Tổ tiên chúng ta đã biết xây dựng các cơ cấu xã hội, lấy thôn làng làm căn bản, lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh tế, lấy tinh nghĩa đồng bào làm sức mạnh, lấy nguồn gốc tổ tiên (một mẹ trăm con, chung cùng bọc trứng) làm nơi nương tựa tinh thần. Nhưng hình ảnh thân thương quen thuộc của cây đa, bến nước,

sân đình gắn liền trong tâm thức của mỗi người Việt Nam. Nhưng chiếc trống đồng Đông Sơn, Ngọc Lũ được chạm trổ tinh vi đánh dấu một thời đại vàng son trong tiến trình phát triển văn minh nhân loại. Chính tinh thần văn hóa Hòa Bình, Đông Sơn đã hun đúc thành sức mạnh dân tộc, để các thế kỷ sau đó, dù sự đối kháng với sự xâm lăng thô bạo của các nguồn văn hóa mang ý đồ đồng hóa phát xuất từ phương Bắc. Giấc mơ của họ là giấc mơ của một dân tộc hơn một ngàn năm trong bóng đêm nô lệ nhà Hán, nhà Ngô, nhà Đường, nhà Minh qua bốn lần bắc thuộc với bao nhiêu cực hình đầy đọa, sang xuống bể tìm ngọc châu, chiếu lên non sơn ngà voi, trăm hương, châu báu, dân tộc Việt vẫn bảo vệ được tinh độc lập, vẫn giữ được bản sắc văn hóa Việt trong sáng và thuần nhất. Đất nước chúng ta đã hơn một lần bị mất đi và giành lại được nhưng chúng ta hạnh diện nơi lớn rằng dân tộc Việt Nam chưa bao giờ bị mất gốc. Hình ảnh những chiếc bua, nhưng chiếc riêu, nhưng mũi thương, mũi dao, mũi tên bằng đồng đao được ở vùng Trung Châu, Bắc Việt, ở sông Bạch Đằng, dọc Ai Nam Quan không

chỉ là những cổ vật mà còn là chứng tích của bao nhiêu trận mạc, bao nhiêu cuộc chiến đấu, bao nhiêu máu xương và nước mắt của tổ tiên đã đổ xuống trước các cuộc xâm lăng của các triều đại Bắc phương khác.

Lịch sử bao giờ cũng mang tính kế tục nhưng trước hết là lịch sử của thời đại. Mỗi thế hệ có một trách nhiệm để hoàn thành nhưng trách nhiệm mà lịch sử giao phó cho thời đại của họ nhưng dù không hoàn thành, ngọn đuốc lịch sử vẫn phải được chuyển sang bàn tay thế hệ khác. Giấc mơ về Việt Nam tự do, dân chủ và giàu mạnh dù sớm hay muộn sẽ phát thành hiện thực.

Thật gian gần đây, tôi có dịp đọc nhiều bài viết từ những tâm lòng đang băng khoảng vì đất nước. Phần lớn bắt đầu bằng nhóm chữ "chưa bao giờ... như hôm nay". Chưa bao giờ con người Việt Nam bị khinh thường như hôm nay. Chưa bao giờ lạnh thổ Việt Nam bị chiếm đoạt trắng trợn như hôm nay. Chưa bao giờ chủ quyền đất nước bị đe dọa như hôm nay. Chưa bao giờ tại nguyên thiên nhiên bị thất thoát như hôm nay. Tất cả đều đúng cả. Tôi chỉ muốn thêm vào một "chưa bao giờ" nữa, đó là, chưa bao giờ ranh giới giữa dân tộc và phân dân tộc rõ ràng như hôm nay. Biên giới đó rõ ràng đến mức một người Việt Nam có thể chọn lựa đứng về phía chính nghĩa, phía dân tộc mà không phải lo lắng lo về sau.

Giới lãnh đạo đảng Cộng

sản Việt Nam đã chọn một con đường riêng của họ. Con đường đảng chọn cũng rất rõ ràng: phát triển đất nước theo định hướng Trung Quốc và cùng lúc bằng mọi giá duy trì chế độ độc tài toàn trị tại Việt Nam.

Bộ chính trị trung ương đảng Cộng sản Việt Nam không phải là những người không biết suy nghĩ, không thấy đúng, thấy sai và thậm chí có rất nhiều cơ hội để sửa sai nhưng quyền lợi cá nhân, phe nhóm và đảng đã che khuất sự sống còn và tương lai đất nước.

Nhân dân Việt Nam chịu đựng quá nhiều rồi, nhượng bộ quá nhiều rồi, lùi bước quá nhiều rồi. Từ xâm lăng Hoàng Sa đến chiến tranh biên giới, các trận đánh khu vực Lào Sơn, lấn chiếm Trường Sa, bắn chết ngư dân Thanh Hóa và hôm nay Bauxite. Chỉ một thời gian ngắn thời mà nhìn ra biển, nhìn lên núi, nhìn xuống phố, nhìn qua sông, đâu đâu cũng thấy hàng Trung Quốc, đất Trung Quốc, đảo Trung Quốc, vài chục năm nữa đất nước sẽ ra sao?

Tại sao Trung Quốc không bán thùng tàu, không ăn cướp tài sản, đất đai của Thái Lan, Philippines hay ngay cả của dân em Bắc Hàn một cách công khai, lộ liễu như họ đã và đang làm đối với Việt Nam? Một người có ý thức nào cũng biết, đơn giản bởi vì giới lãnh đạo Cộng sản Trung Quốc sống trong gan ruột của giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam nhưng kể

DR. D. DENTAL

DANIEL DZUNG TRAN, D.D.S.

COSMETIC & GENERAL DENTISTRY



10451 Bolsa Ave., Ste. 110, Westminster, CA 92683
(Trong khu Nhà Hàng Đồng Khánh)

714.839.3636 714.839.3837



Hình ảnh kỷ niệm của Nhà Thơng

không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc núp dưới chiếc dù Trung Quốc. Như tôi có lần mạch nước cho bà con ngư dân trong bài "Ai giết 9 ngư dân Thanh Hoá", cách hay nhất để khỏi bị hải quân Trung Quốc bắn chết là khi tàu đánh cá vờ ra khỏi cửa biển thì xin các bác làm ơn hạ cái lờ có gọi là "cờ tổ quốc" xuống dùm. Nếu phải treo thì treo đại một lá cờ Phi, cờ

Thái Lan, cờ Nhật lên mũi tàu. Nói ra thì cho là phản động nhưng tin tôi đi, làm như thế bà con ngư dân mới hy vọng con đường trở về với vợ con.

Thời điểm 1958, Pháp đã rút đi và Mỹ thì chưa đến mà Phạm Văn Đồng, còn có thể thay mặt cho 11 ủy viên bộ chính trị, hạ bút ký một văn kiện nhấc nhấc như thế thì với hoàn cảnh phe Cộng sản chỉ còn

lại năm anh em trên một chiếc xe tang, trong đó có đến bốn em đang làm cảnh hăm vì đói khát, thì chuyện gì mà họ không dám làm. Lê Khả Phiêu, trong giai đoạn tìm về chủ nghĩa năm 1991, cũng có thể đã ký nhưng vẫn bán tương tự như văn bản của Phạm Văn Đồng, khác chăng, "đồng chí Phạm Văn Đồng bị lộ" và "đồng chí Lê Khả Phiêu chưa bị lộ" mà thôi.

Người Do Thái nguyên rủa Hitler, nhân loại kết án Hitler, nhưng nhân dân Đức trước khi có thái độ tương tự, họ phải biết trách các thế hệ Đức trong thập niên 30 của thế kỷ 20, bởi vì chính dân Đức thời đó bằng con đường bầu cử hợp pháp đã đóng ỹ đặt mình dưới sự lãnh đạo của Hitler và đảng Quốc Xã. Nhân dân Việt Nam chưa bao giờ bầu đảng Cộng sản để lãnh đạo

nhưng chắc chắn cũng sẽ phải trả lời cho các thế hệ mai sau về thái độ thờ ơ, thỏa hiệp, yếu hèn của các thế hệ hôm nay trước tình trạng băng hoại đạo đức, lạc hậu kinh tế, thất thoát tài nguyên, mất mát lãnh thổ và suy yếu chủ quyền đất nước.

TRẦN TRUNG ĐẠO

TA VỀ



Tiếng biển lời rung nao nức giục
Ta về cho kịp độ xuân sang

Ta về - một bóng trên đường lớn
Tho chẳng ai để vật ao phôi...
Sao bỗng nghe đâu mép phé phủ?
Mười năm, đã cung ngắm ngời thay

Vinh biệt ta-mười-năm chết dập
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm, mặt xám soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn có sao

Ta về qua nhưng trường cung phà
Nếp trán nhân đưa ngọn gió mây
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ
Nghe tan cát bụi tháng năm bay

Chỉ có thế. Trôi cảm đất nín
Đời im lìm đông vắng xanh xao
Mười năm, thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi, đất bạc màu...

Ta về như bóng chim qua trẻ
Cho vệt vầng thêm gió cuối mùa
Ai đứng trông với mây nước đo
Ngàn năm rêu tóc bạc phơ phơ

Một đời được mấy điều mong ước?
Núi lở sông bồi đã lắm khi...
Lịch sử ngọt đi nhiều tiếng động
Mười năm, có lúc đã ai ghi?

Ta về cui mặt đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mới lẻ loi

Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta, ngựa đã đi qua sông
Người đi như cá theo con nước
Trống ngũ liên nồn nả giông mừng

Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đào, xin rót xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này

Ta khóc tạ ơn đời màu chảy
Buột mép như đã đứt chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đo
Người thư nghe buồn tận cõi xa

Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sầu nhân thế chuyển dời
Be bóng cung thì sinh, di, diệt
Tội tình chỉ lắm nua, người ơi!

Quần dóc hơi thu lúa nổi nhớ
Mười năm, người tỏ mặt nhau đây
Nước non ngàn dặm, bèo mây hơi
Đánh uống lung thôi bát nước mới

Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh
Ai gọi ai đi ngoài quang vắng?
Phôi, ôi vầng đã nhăm quan san?

Lời thề truyền kiếp còn mang nặng
Nên mắc tình đời cời chẳng ra
Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ
Mười năm, ta vẫn cứ là ta

Ta về như từ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lang quên
Nhà cũ, mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khơi âm, mối kông nên

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương khô quá, sống thờ ơ
Giấu nghiêng cống đổ, thêm um có
Khách cũ không còn, khách mới thưa...

Ta về khai giới bua thưng yếm
Thức dậy đi nào, gò đã côi!
Hay kể lại mười năm mộng dư
Một lần kể lại để rồi thôi

Chiều nay, ta sẽ đi thơ thần
Thăm hỏi tung cây nhưng nói nhả
Hoa buôi, hoa tám xuân có nở?
Mười năm, cây cỏ nhớ người xa?

Ta về như đũa con phụng phả
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu
Mười năm, con đã già như vậy
Hương mẹ chờ, đèn sắp cạn dầu...

Con gắm lại đời con thất bát
Hư trăm điều, một chẳng làm nên
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyền
Hạt lệ sương thấm khóc biến thiên
Ta về như tiếng kêu đóng vọng
Bầu mênh lên bờ đã trở bóng

Cho dầu ngàn năm, em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nói mừng rón rụa mắt ai sầu
Ta nghe như máu ẩn tình chảy
Tự kiếp xưa nao tưởng lạc nhau

Ta về dầu phải đi chân đất
Khấp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát...
Hè nhà, bụi chuối thư thâu đêm

Cây buôi xưa còn nhớ trắng hoa
Đem chưa khuya lắm, hơi trăng tãi!
Tình xưa như tuổi già không ngủ
Bước chạp khuya từng nỗi xót xa

Ta về như giấc mơ thân bị
Tuổi nhỏ đi tìm nhưng tối vui
Trắng sang lưu hôn ta về t phóng
Trộn đời, nỗi nhớ sáng không người

Be ơi, này nhưng vui buồn cu
Hay sống, đương đầu với lang quên
Con để vãn là con để dĩ
Hạt rong bờ cỏ, giọng thân quen

Ta về như nước tạo khe chảy
Tình đầu mười năm lương nhạt mờ
Thân thích nhưng ai gió đã khuất?
Coi đời nghe trống trải hơn xưa

Người chết đưa ta cùng xuống mộ
Đêm buồn, ai nua đứng bờ ao
Khóc người, ta khóc ta rơi rụng
Tuổi hạc, ôi ngày một một hao

Ta về như bóng ma hôn từ
Lục lọi thời gian, kiếm chính mình
Ta nhạt mà thương tung phé hậu
Như tung hai cốt sấp vô danh

Ngôi đây, nên cu nhà hương hỏa
Độc lại bài thơ buổi thiếu thời
Ai đó trong hôn ta thốn thục?
Vắng trắng con tiếc cuộc rong chơi

Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thuở trần gian bảy lượt qua
Ta tiếc đời ta sao hư hạn
Đành không trái hết được lòng ta

7-1985

TÔ THUYỀN

Nguyên: Tô Thủy Yên, Thơ tuyển,
Minnesota, 1995

HỌA SĨ NGUYỄN VIỆT HÙNG



Nhà giới thiệu tác phẩm đang trưng bày tại phòng tranh của họa sĩ Nguyễn Việt Hùng (Ảnh: NGUYỄN VIỆT HÙNG's Facebook)

Tác phẩm không theo những quy luật giao điều, trường lớp, vẽ hội họa cổ điển, không mang đến những điểm mạnh yếu, sáng-tối, điểm hội tụ-vùng phát tán,... được vẽ theo cấu trúc trải rộng, hướng ra ngoài giới hạn của kích thước tranh, đem lại cách nhìn với cảm giác liên tục và di chuyển.

Hội họa của họa sĩ Nguyễn Việt Hùng mang nhiều tính chất nghệ thuật truyền thống: tranh khắc gỗ (wood block), sơn mài (lacquer), tranh thêu mực (Oriental scroll painting), gốm (ceramic), đồ khảm (mosaic), kính màu (stained glass) ... Nhưng thể loại nghệ thuật tạo hình truyền thống, được ứng dụng vào cách vẽ mới, vẽ một lý thuyết như một cách tái sử dụng (recycle) những gì đã có.

Cánh ven biển tại Palos Verdes, California, là nơi họa sĩ thường thăm viếng. Đứng bên đây California-ban ngày, nhìn qua Thái Bình Dương, là vịnh Hạ Long-ban đêm, trông thật gần nhưng cũng có những làn sóng ngăn cách...

Có lẽ đây là phần số của người nghệ sĩ lưu vong, không có nơi nào thực sự là quê hương. WWW.MONKCOOLWORDPRESS.COM



Họa sĩ Uyen Nguyen, Việt Hùng (ảnh: UYEN NGUYEN)

CRUELLY GO ROUND

PHƠI LÒNG TRẮC ẨN NHÂN GIAN

UYEN NGUYEN: CẢM NHẬN KHI XEM TRANH “NHÂN-QUẢ ĐỒNG THỜI” CỦA HỌA SĨ NGUYỄN VIỆT HÙNG

Dung nhưng gam màu không chói lọi, nhu nhả, từ bi như tâm lành của một đứa trẻ thơ, ngây ngô nhìn đất trời là một cuộc chơi hào hứng, há tất mà ỷ may chăng có điều bất trắc!

Đúng cách tâm vừa đủ để xem tranh, thủ pháp của nghệ nhân khiến ta tưởng mỗi bức họa được thêu bằng nhiều sợi chỉ to bản, trong ánh sáng ba chiều, tạo ra ảo giác lung linh và cả sự gấp gáp, do những mảng sơn dầu nổi cộm, xoắn cuộn vào nhau, có lúc mỏng mảnh bằng nhưng đường nét như mũi kim vun vút bay, khắc trên bề mặt phản gỗ.

Xem một hồi lâu, tranh

bắt chợt khiến mình có cảm giác đang lưu lạc giữa chốn mê cung, nhưng ý hướng thoát ly khỏi chốn ảo tu luôn thôi thúc mãnh liệt, nên dẫu cả tin phía trước là hoạn lộ trung trung, mà chân vẫn dẫn lối vì tham vọng mục đích nhưng đường sông khúc khuỷu, ghénh đá cheo leo, trung điệp cây lá xanh xanh mãi tắng.

Đi sâu thêm, thế giới màu sắc và đường nét của tranh bày biện ra những điệp khúc ẩn tình và oán trái. Trời vẫn nhớ nhồi trên đôi cánh mỏng chim bay, đại dương khô cạn vùng mình bấy đôi cá hàu hàu sấn tìm miếng ăn. Tất cả tham phận muôn loài trở thành miếng mồi đỉnh chung, chực rơi tòm giữa

hai hàm nanh vuốt trắng phếu như xương người, phơi kín trên hành tinh xoay móng trum lấp tinh khi đất trời. Vạn vật sinh linh gom tụ vào trong mồi bức họa, toát lên vẻ trảm thống của coi nhân sinh.

Người thoáng xem tranh, nếu hơi hốt át tưởng “Crucelly Go Round” của họa sĩ Nguyễn Việt Hùng đây “ác tình”, vì vẽ nên sự chết trum lấp. Bấy giờ tranh dù tựa lên nhưng mảng tường với im lìm, mà âm thanh thì vẫn nghe chung kinh động, thức mạnh vào tâm khảm người nhìn.

Thuở xưa có chàng hoàng tử vương quốc giữa sang Kapilavatthu mà tương lai đã dọn sẵn một đời sống vinh hoa vọng tộc, nhưng khi tận mắt nhìn thấy

nhưng cảnh đại bang hung hãn, bất thần kẻ xuống thừa ruộng giương háng móng sắc sâu xé các loài còn trùng nhỏ bé loi ngoi trên mặt đất khô, thì hình ảnh của sự chết đã không làm tăng thêm niềm kiêu hãnh cho chàng thanh niên đã thừa hưởng một sức mạnh vô biên của vua cha, ngược lại, trong khoảnh khắc ấn tượng “ác tình”, “thiện tình” đồng thời được khơi dậy nơi coi lòng trắc ẩn của chàng thanh niên Siddhartha. Ác tình - thiện tình đồng thời, ở trường hợp này diễn đạt trong bộ tranh “Crucelly Go Round” của họa sĩ Nguyễn Việt Hùng, là lòng trắc ẩn phơi bày của coi nhân gian.

Con chim đã sải bay trên bầu trời rộng vẫn thêm

ẩn dưới mặt đất, con cá ngụp lặn trong ao sâu lại mong trời lên cấp mồi trên không. Vòng tròn nhân sinh mở rộng ra mồi, mà từ vòng khép lại bất ngờ. Thế kỷ XXI, chúng ta càng sống lâu hơn với hơn đất vô tròn lo lừng, nghiệp quả tồ dầy thêm lên trên bề mặt thành quách địa cầu ẩn dật bao điều bất trắc. Từ cuộc tranh giành miếng mồi đỉnh chung, từ khi tỏa rộng vào cam khôn vu trụ ba nghìn thế giới tinh tu mù mù bay trên đầu, lại thâu hết về trong “Crucelly Go Round”, nên tranh của họa sĩ Nguyễn Việt Hùng ở trường hợp này, tượng hình cho lòng trắc ẩn nhân gian, là vậy!

Tháng 10, 2011

Họa sĩ NGUYỄN VIỆT HÙNG ban tặng một tác phẩm của anh nhân buổi triển lãm “CUT HERE” tại Gallery 515 Q.5 (hàng 10/10). Ảnh: Nhiếp ảnh gia ENO NIKK SWENSON.



"TỬ RƯỢU" CỦA NGƯỜI VIỆT VÀ "TỬ SÁCH" CỦA NGƯỜI DO THÁI

HAI CÂU CHUYỆN VỀ CÁI "TỬ RƯỢU" VÀ CÁI "TỬ SÁCH"

Hôm rồi tôi có dịp ghé nhà một ông ta hỏi quán cùng quê chơi. Ông hiện phụ trách quán lức của cả một vùng. Ông vừa cất xong ngôi nhà (biệt thự thì đúng hơn) và sắm xe hơi mới. Bước vào phòng khách ngôi nhà, đập vào mắt tôi chính là chiếc tủ rượu hoành tráng được gắn sát chiếc tivi điện tích gần nửa bức tường chính diện. Thôi thì đủ thương hiệu rượu danh tiếng: từ Chivas, Hennessy, Napoleon, Johnnie Walker cho tới Vodka xin tận bên Nga... được gia chủ bày khá ngay ngắn trên kệ. Ông đi giới thiệu cho chúng tôi xuất xứ từng chai rượu: chai này thắng bạn đi nước ngoài về tặng, chai kia đồng nghiệp cho, chai nọ do cấp dưới biếu với giọng khá hào hứng cũng như thể hiện sự am hiểu về rượu ngoại.

Sau khi dân chúng tôi đi

tham quan quanh khuôn viên nhà, cùng với mấy câu chuyện hỏi thăm nhát thếch, ông ta nhanh chóng nhập sóng oanh "phôm" với mấy "thằng đệ". Trong lúc mấy vị đang say sưa sạt phạt, chúng tôi cũng đang ngó nghiêng thử nãy thử kia của căn nhà thì xảy ra một chuyện. Thằng con đầu (con vợ hai, ông đã ly dị vợ cả, hiện đang sống với cô vợ hai kém mình cơ với chục tuổi) của ông, tám 8 tuổi, tranh thủ lúc mọi người trong nhà đang tập trung chuyện môn, lên vào phòng lức tủ bố nó lấy mấy tờ 500 ngàn và bị bà nội tóm cổ xách ra báo với phụ huynh. Một điều khiến chúng tôi khá bất ngờ, đó là lòng "vị tha" của quý phụ huynh. Ông chỉ đánh nó mấy cái nhẹ nhẹ (chắc sợ thằng bé đau) và máng nó mấy câu quen thuộc rồi lại tiếp tục lao vào sóng, cách xử lý của ông khiến tôi có lý do để tin thằng bé thực hiện hành

động này không phải lần đầu và chắc chắn không bao giờ là lần cuối.

Câu chuyện thứ hai tôi muốn đề cập với các bạn thói quen đọc sách của người Do Thái. "Trong mỗi gia đình Do Thái luôn có 1 tủ sách được truyền từ đời này sang đời khác. Tủ sách phải được đặt ở vị trí đầu giường để trẻ nhỏ dễ nhìn, dễ thấy từ khi còn nằm nôi. Để sách hấp dẫn trẻ, phụ huynh Do Thái thường nhò nước hoa lên sách để tạo mùi hương cho các em chú ý." Tác giả Nguyễn Hương trong bài "Người Việt ít đọc sách: Cần nhưng chính sách để thay đổi toàn diện" (đăng trên trang tin điện tử Cinet.com của Bộ VH-TT-DL) kể với chúng ta như vậy.

"Mặc dù chỉ có 8 triệu dân

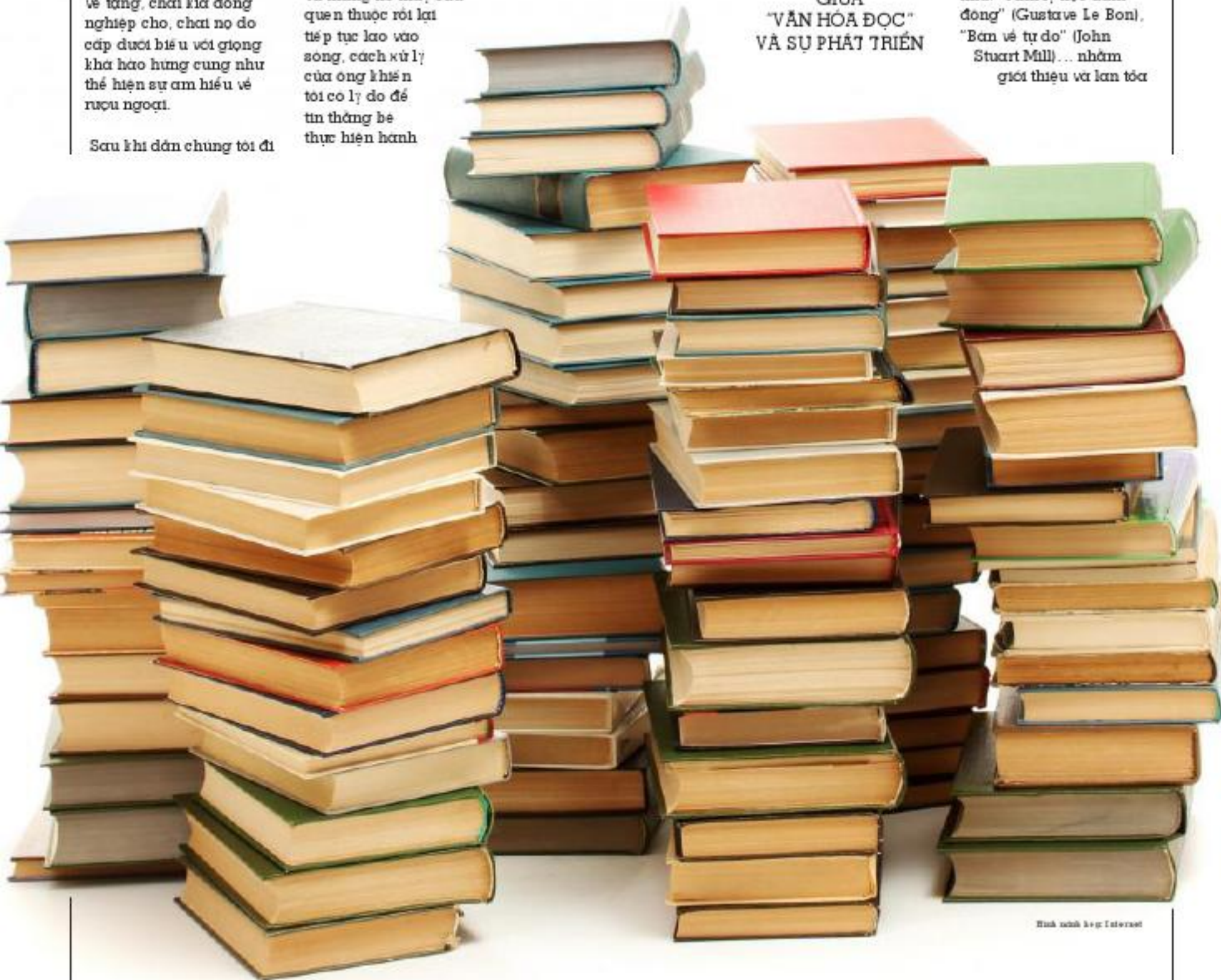
nhưng ở Israel có tới hơn 1.000 thư viện công cộng với nhiều sách quý. Bên cạnh việc hình thành, xây dựng thói quen đọc sách từ khi nằm nôi cho trẻ nhỏ, người Do Thái hiện vẫn sử dụng hình ảnh con lừa thỏ sách để dạy các con mình: nếu chỉ dùng ở việc đọc mà không biết ứng dụng thì tri tuệ do cung chỉ là tri tuệ chết. Và để có thể ứng dụng, trẻ em Do Thái không ngừng đọc sách và tích lũy kiến thức từ nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau."

Đó là hai câu chuyện về "tủ rượu" của người Việt và "tủ sách" của người Do Thái, hay nói khác hơn là câu chuyện về "văn hóa đọc" của hai dân tộc cách xa nhau cả về địa lý lẫn khoảng cách văn minh.

MỐI TUANG QUAN GIỮA "VĂN HÓA ĐỌC" VÀ SỰ PHÁT TRIỂN

Trong một lần nói chuyện với Giáo sư Chu Hảo, một học giả gạo cội của Việt Nam và đang là Giám đốc Nhà Xuất bản Tri Thức, tôi đưa ra câu hỏi: "Trên cương vị một học giả và một người làm sách, ông có cảm nhận như thế nào khi người Việt hiện đang chuộng chuộng "tủ rượu" hơn là "tủ sách" cũng như xin ông cho nhận xét về văn hóa đọc của người Việt hiện nay?" Giáo sư trả lời: "đó là tư duy của 'trọc phú' - ham chuộng vật chất, khoe mẽ hơn là hiểu biết, tri thức," về văn hóa đọc của người Việt, ông nhấn mạnh hai chữ "đầu long".

Ông và nhà xuất bản Tri Thức hiện đang dịch và phát hành các đầu sách tinh hoa (Tủ sách tinh hoa) của nhân loại như: "Tâm lý học đám đông" (Gustave Le Bon), "Bàn về tự do" (John Stuart Mill)... nhằm giới thiệu và lan tỏa



Hình ảnh lấy từ Internet

Muốn phát triển như Âu-Mỹ, Nhật hay người Do Thái, trước hết phải học hỏi văn hóa đọc từ họ. Phải làm sao nhà nhà đều có "tủ sách" để tự hào và gieo hạt, chứ không phải là "tủ rượu" để khoe mẽ vật chất và phô trương cái tư duy trọc phú. Mọi thay đổi phải bắt đầu từ thế hệ trẻ.

các giá trị, tư tưởng tiến bộ của nhân loại đến với người Việt. Thế nhưng, vị học giả cho biết, một đất nước 90 triệu dân như Việt Nam lại tiêu thụ chưa đầy 1000 cuốn sách dạng trên, trong khi đó tại Nhật Bản thời cải cách Minh Trị – Thiên Hoàng (1868-1869), 30 triệu dân Nhật lại tiêu thụ tới hàng trăm ngàn cuốn sách tinh hoa đó!!! Ông nói thêm, thế nhưng các loại sách tinh hoa hết hết, thậm chí kích dục lại có số lượng tiêu thụ 5000 – 10000 cuốn ở Việt Nam. “Văn hóa đọc của người Việt hiện nay quá kém.” – giáo sư kết luận.

Ở các nước Âu – Mỹ, lấy ví dụ ở Pháp hiện nay, trung bình một người dân Pháp đọc tới 20 cuốn sách/năm, đối với người dân sống ở thành phố, tầng lớp tri thức, con số đó lên tới 30-50 cuốn/năm (Nguyễn Hương, bài “Người Việt ít đọc sách: Cần nhưng chính sách để thay đổi toàn diện”). Ở Nhật, như đã nói ở trên, ngày từ thời Cải cách Minh Trị, chỉ với 30 triệu dân mà tiêu thụ tới hàng trăm ngàn cuốn sách dạng tinh hoa, “kho nhân”. Ở một quốc gia gần hơn trong cộng đồng ASEAN, đó là Malaysia, số lượng sách được đọc trên đầu người là 10-20 cuốn/người/năm (2012, số liệu từ ông Trần Trọng Thanh, công ty sách điện tử Aleza). Và ở Việt Nam, theo con số do Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công bố ngày 12/04/2013 ngay trước thêm sự kiện “Ngày hội Sách và Văn hóa Đọc”, số lượng sách một người Việt đọc trong một năm là... 0,8 cuốn, nghĩa là người Việt Nam đọc chưa đầy 1 cuốn sách trong 1 năm!!!

“Đọc sách là quá trình làm cho con người hòa hợp về mặt tinh thần với những khối óc vĩ đại của tất cả mọi thời đại, mọi

dân tộc.” (M. Gorii) Sách là phương tiện chuyển chỗ những giá trị tiến bộ, tri thức, nhưng luồng tư tưởng của nhân loại từ ngàn đời nay. Đọc sách giúp chúng ta hiểu biết về thế giới, về bản thân cùng như trang bị cho chúng ta công cụ quan trọng nhất để phát triển – tri thức. Đối với cá nhân, nó trang bị cho ta hiểu biết về mọi mặt: kinh tế, xã hội, văn hóa... và nhất là trang bị nền tảng kiến thức cho mỗi cá nhân, trang bị những kĩ năng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, giúp chúng ta có được tư duy độc lập, biết phản biện. Sách giúp chúng ta có thể nhận ra các giá trị, phân biệt chân-giá, cùng như biết nhận định độc lập về một vấn đề, ý kiến nào đó.

Đối với một quốc gia, sách cung cấp nền tảng để phát triển mọi mặt: kinh tế, xã hội, bảo tồn văn hóa cùng như các giá trị tiến bộ và giúp đào tạo nên những con người có đầy đủ kỹ năng để cống hiến cho tổ quốc và xã hội. Bước vào nền kinh tế tri thức, với sự bùng nổ của công nghệ và “đám mây kiến thức”, khi kiến thức, tri thức là nguồn lực chính cho mọi sự phát triển, thì năng lực và lan tỏa “văn hóa đọc” trong cộng đồng là nhiệm vụ mấu chốt trong chính sách của mọi quốc gia.

Có sự tương quan rõ ràng giữa văn hóa đọc và sự phát triển của một quốc gia. Với những con số ở trên, dễ hiểu vì sao nước Pháp lại có một nền kinh tế, văn hóa và nghệ thuật rạng rỡ như vậy. Và nước Nhật có thể đứng đầu thế kỷ sau Thế chiến 2 cũng như vươn lên vượt khỏi sâu bao thiên tai liên miên, hiện đang là nền kinh tế đứng thứ 2 thế giới với nền khoa học-công nghệ tiên tiến bậc nhất. Malaysia đang là ngôi

sao mới ở khu vực ASEAN với những chính sách đổi mới và mở cửa đột phá gần đây. Và người Do Thái với câu chuyện ở đầu bài, “Một dân tộc 13 triệu dân nhưng sinh ra gần 40% chủ nhân của các giải Nobel; 1/3 trên tổng số các nhà triệu phú đang sống và làm việc tại Mỹ là người Do Thái; 20% giáo sư tại các trường đại học hàng đầu hiện nay; 3 nhân vật sau Công nguyên cho đến hiện tại có tác động lớn nhất đến lịch sử nhân loại là Chúa Jesus, Karl Marx và Albert Einstein... là người Do Thái”

Mỗi người Việt chưa đọc nổi 1 cuốn sách/năm, ai có thể khẳng định không liên quan đến tình trạng suy thoái toàn diện tư kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội cùng như nhân cách con người hiện nay ở Việt Nam?

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI TRẺ VIỆT VỚI “VĂN HÓA ĐỌC”

Thế hệ trẻ chính là những người kế thừa và phát triển, là tương lai của đất nước. Tuổi trẻ cũng là khoảng đời mà con người có tinh thần học hỏi và sáng tạo nhất, là thời kỳ hoàn thiện về chất, vì vậy là thời kỳ đòi hỏi con người phải đọc sách nhiều nhất. Với số liệu Bộ VH-TT-DL đưa ra ở trên, người trẻ Việt hiện đang làm gì? Xin thưa, phần lớn họ đang ngồi đóng suốt ngày nơi quán game, cầm giở tại quán cà phê, để bình phẩm mồm, ngực của hot girl này, người mẫu nọ, danh thời gian và “tâm huyết” quan tâm đến mấy vụ kiểu như “Kiểu nư Hải Dương”...

Tiến sĩ Alan Phan, người có hơn 25 năm làm việc ở nhiều quốc gia trên thế giới, người Việt đầu tiên đưa một công ty lên sàn chứng khoán, nhận xét:

“Ở các nước Âu – Mỹ, thời gian rảnh rỗi dành cho người trẻ trước computer đọc tin tức, tìm thông tin hay đọc sách. Con sinh viên Việt Nam, họ đang bận “ngồi đóng” cầm giở tại các quán cà phê, trà đá.” Tại các nước phương Tây hoặc Nhật Bản, hình ảnh chúng ta thường thấy trên xe buýt, tàu điện ngầm hay ngay cả trên đường phố là hình ảnh các bạn học sinh, sinh viên say sưa với cuốn sách trên tay.

Một lần theo dõi các cuộc tranh luận của giới trẻ Việt Nam về các vấn đề “hot” trên các diễn đàn, mạng xã hội, chúng ta sẽ thấy rõ sự thiếu hiểu biết, thiếu văn hóa cùng như trình độ... nguy hiểm bậc nhất của các bạn trẻ. Các bạn không tự trang bị được cho mình một nền tảng kiến thức, tư duy độc lập, lập luận thuyết phục cùng như kĩ năng, văn hóa tranh biện. Tâm lý bầy đàn luôn thể hiện rõ nhất ở những sự kiện như vậy. Sự kiện có bạn trẻ Huyền Chip và cuốn “Xách ba-lô lên và đi”, một trong những sự kiện nóng và được giới trẻ tranh luận nhiều nhất trong năm 2013, là một ví dụ điển hình.

Có hai luồng tranh luận chính trong sự kiện Huyền Chip, một luồng ủng hộ và một luồng phản đối. Tuy nhiên, với cả hai luồng, để tìm được những tranh luận văn minh, thuyết phục, dần chúng ta sẽ thấy rõ rằng là vô cùng hiếm hoi. Chỉ toàn thấy comment (bình luận) mang tính “ném đá”, mạt sát, hạ nhục cá nhân. Ngay cả những tri thức như Giáo sư Nguyễn Lân Dũng cũng bị các bạn trẻ chúng ta dọa “vô mồm”!!! Đầu đó cũng có những người học hành bài bản, như một chàng Fulbrighter nọ, tham gia cuộc tranh luận và lời lẽ oanh tạc đong mu quăng búng

nhưng luận điệu rề rề và vô văn hóa, nghe đầu đó là một chế u PR trước khi anh ta ra cuốn sách mới của mình.

Trước mỗi sự kiện truyền thông đưa ra, các bạn trẻ không thể phân biệt được đâu là tin thật, đâu là tin giả, đâu là chế u PR. Một bộ phận như những con cừu ngoan ngoan, họ chỉ biết bám đuôi nhau và gặt đầu. Bộ phận còn lại nghe cái gì cũng kêu “bầy” dù chẳng có dân chúng, có số nào để phản biện lại.

Họ đang bị cuốn theo “con lốc thông tin” cùng như sự dốt mui của một bộ phận giới truyền thông thiếu đạo đức và liêm sỉ, đang “nhồi sọ” người đọc với những tin tức dạng “sốc, hãi p, giật t”, kiếm tiền dựa trên sự ngu muội của người khác.

Ai có thể phủ nhận đó không phải là hậu quả của việc lướt đọc sách và học hỏi?

KẾT

Câu chuyện về cái “tù rượu” của ông tá hải quân trong câu chuyện đầu bài và cái “tù sách” của người Do Thái, hay câu chuyện “văn hóa đọc” của người Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với khoảng cách phát triển hiện tại giữa chúng ta với thế giới. Để đất nước và con người Việt Nam phát triển về mọi mặt, bền vững, việc đầu tiên là phải làm sao để “văn hóa đọc” của người Việt lan tỏa và thăng hoa, tạo thói quen đọc sách và yêu sách. Muốn phát triển như Âu-Mỹ, Nhật hay người Do Thái, trước hết phải học hỏi văn hóa đọc từ họ. Phải làm sao nhà trẻ chúng ta dạy “vô sách” để tự hào và gieo hạt, chứ không phải là “tù rượu” để khoe mẽ vật chất và phô trương cái tư duy trục phụ. Mọi thay đổi phải bắt đầu từ thế hệ trẻ.

Kếp theo trang 3

TUỆ KIỂM: PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO

- Trung sách: Tâm thời hợp tác để đối ngoại.
- Hạ sách: Đánh tan ra để thống nhất.

Nhưng nguyên tắc chỉ đạo cổ kim trên đã chứng minh cho ta thấy rõ phương pháp tranh đấu của nhà Phật, bằng vào tuệ kiến để hóa địch tới chỗ vạn thắng, thật cao độ và hợp lý vậy. Điển hình cho phương pháp đó là cuốn Tây Du Ký. Cuốn này mô tả thấy Đường Tăng qua Tây Trúc thỉnh kinh, đã phải mang theo ba đệ tử đầy sức sinh tinh huyết: Chu Bát Giác, Tề Thiên Đại Thánh và Sa Tăng. Có thể nói chiến thắng được đủ mọi thù địch nhân, từ ma quỷ đến thần tiên. Tuy vậy, kết cuộc chẳng có ai được ai thua, ai sống ai chết, trừ Phật tâm và Phật tính đã thắng trong lòng kẻ ma quỷ lẫn vị thần thánh, để rồi tất cả cùng về một mối Đạo.

Hiện nay, trận giặc tư tưởng mà Phật giáo đang phải đương đầu, giữa hai phe Duy Tam và Duy Vật, rồi đây sẽ kết cuộc ra sao? Số phận của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ ra sao? Giữa khi đối phương quanh mình luôn luôn tỏ ra vô cùng cường mạnh?

Câu giải đáp dứt khoát sẽ là: Với ánh sáng giác ngộ địch bằng tuệ kiến và bằng phương pháp hóa địch thánh hiền để cùng nhau đạt tới chỗ viên mãn ở trong từng con người và từng xã hội loài người, Phật giáo xưa cùng như nay, và mai bao giờ cũng đạt tới cảnh vạn thắng. Bởi vậy trước mọi biến cố nhất thời, chúng ta cũng đừng để con người u mê ở trong hay ở ngoài hàng ngũ Phật giáo hiểu lầm thế cuộc theo nghĩa “Thắng bại thông thường.”

Muốn thế chúng ta cần phải dứt khoát đặt lại vấn đề “Phật là gì?” Kinh kệ và sử dụng sách đều đã chứng minh rằng: Phật chỉ là một “Thế Sóng Tối Viên Mãn” lúc nào cũng bang bạc ở khắp mọi nơi, ở chốn thanh thiên quang minh cũng như ở chốn tối tăm u mê.

Thế Sóng Tối Viên Mãn dĩ cử mỗi ngày một nảy nở theo trình độ giác ngộ của mỗi cá thể, của một tổ chức theo đà tiến của xã hội - nhờ mọi biến chuyển theo đà tiến hóa của lịch sử, mà có người thì tiến tri giác thấy được trước thiên hạ, có người thì hậu tri hậu giác theo đà tiến của người đã giác ngộ trước và cùng có người thì lại vô tri vô giác nhưng gặp cái thế ứng hóa mà buộc phải giác ngộ theo. Căn cứ vào phép suy luận trên ta thấy ánh sáng của Đạo Phật chưa bao giờ sáng bằng lúc này. Sáng từ trên đất Việt sáng tỏa ra toàn thế giới, sau khi đất Việt được khắp các cường quốc chọn làm nơi thí nghiệm cả một cuộc chiến tranh tư tưởng rối rắm và nóng bỏng. Số di Việt Nam đang là nơi tái diễn cuộc tổng hợp tư tưởng nhân loại là vì trải qua lịch sử, từ xưa chúng ta đã cùng Phật giáo tạo ra mấy cuộc Tập Đại

Thanh về ý thức nhưng tự ngàn xưa rồi.

Bằng chứng là: hơn một ngàn năm màu thuẫn Tam giáo giữa Phật-Lao- Khổng đã đưa đến việc thống nhất tư tưởng vào là “Tam giáo đồng nguyên”. Rồi sau đó hơn một thế kỷ liên Gia-Tô giáo du nhập vào đất Việt một cách nhọc nhằn để tạo thế đứng để rồi lại phải đương đầu với chủ nghĩa vô thần đang lan tràn như nước lũ vô bờ từ hơn hai mươi năm qua. Mà cuộc tranh đấu chính thức giữa Hữu thần Gia-Tô với Vô thần Mác xít về tư tưởng theo quan niệm Phật giáo tất sẽ đi tới chỗ tổng hợp theo tinh thần tổng hợp Tam Giáo thời Lý-Trần xưa và hiện nay tại các quốc gia Âu Mỹ mà thôi. Nhưng con về mặt thực tế hành động thì Phật giáo chỉ thành công với sự mệnh của mình: khi nào Thế giới Tự do tách rời khỏi bàn tay kiểm soát của Trung cộng. Và khi Phật tính tiềm tàng trong lòng dân miền Bắc sống dậy với ý chí độc lập và tinh thần dân tộc tại miền Nam mới có thể thống nhất quốc gia về một mối. Phật giáo đã không bao giờ là cộng sản thì Phật giáo cũng không bao giờ lại đi theo cộng sản hay chống cộng

bằng phương pháp của cộng sản nên Phật giáo cần làm sống lại Phật tính trong lòng người cộng sản để họ trở về với dân tộc hơn là việc đòi tiêu diệt hết bất cứ lớp người nào. Vì như thế không hợp với tinh thần hóa địch của Phật giáo.

Phật giáo đã có một lập trường một lý tưởng và một thái độ rất rõ rệt để cùng với Lao, Khổng xưa mà không bị hòa, tất nhiên Phật giáo vẫn đủ sức sống với tinh thần bất diệt của mình trong đại gia đình dân tộc sau này. Đạo Phật lại càng không có chi khác biệt tư tưởng về tôn giáo mà cho là không thể dung hòa được nhau. Vì chỗ khác biệt đó chỉ là khác về phương tiện chứ không phải khác về mục đích làm tốt đẹp xã hội và đưa con người tới chân lý. Khi mà tất cả đều cho là: Chân lý chỉ có một, lẽ phải chỉ có một.

Điều mà người ta đều chế trách Phật giáo cũng như Phật giáo đã tự phê bình mình là: Phật giáo đã quá rộng rãi, quá thương người, thương dân tộc và quá nhiệt thành với vấn đề thống nhất dân tộc, nên rất có thể bị cộng sản lợi dụng. Khuyết điểm

xem tiếp trang 26

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



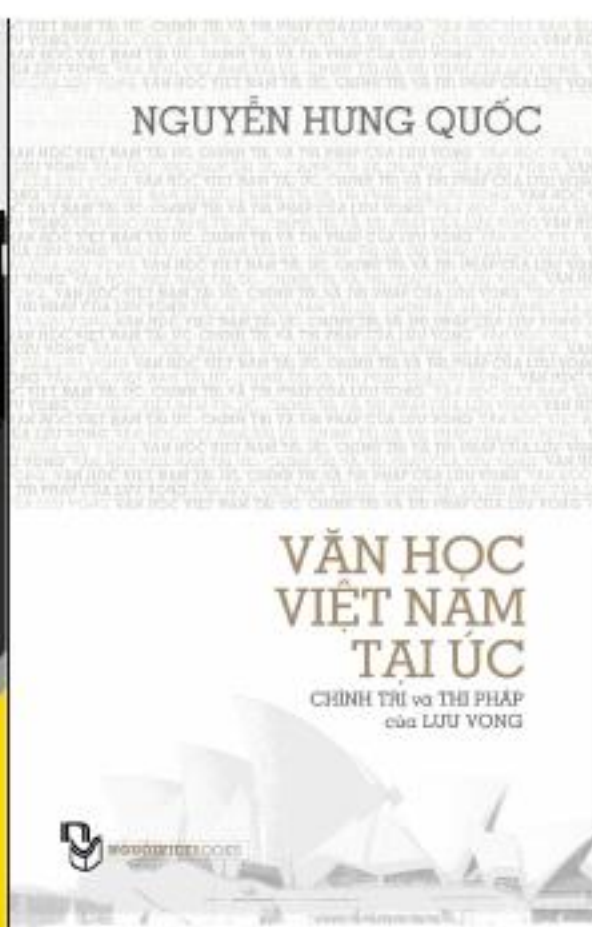
Đây là cuốn sách đầy đủ nhất về phương pháp dạy tiếng Việt cho người ngoại quốc cũng như cho trẻ em Việt Nam ở hải ngoại. Nội dung bao gồm các vấn đề chính: Các lý thuyết, phương pháp và nguyên tắc giảng dạy ngôn ngữ.

Cách thức dạy tiếng Việt từ việc dạy nói đến việc dạy đọc, dạy viết và dạy tư duy.

Cách thức dạy học một cách sinh động để học sinh thấy hứng thú khi học tiếng Việt.

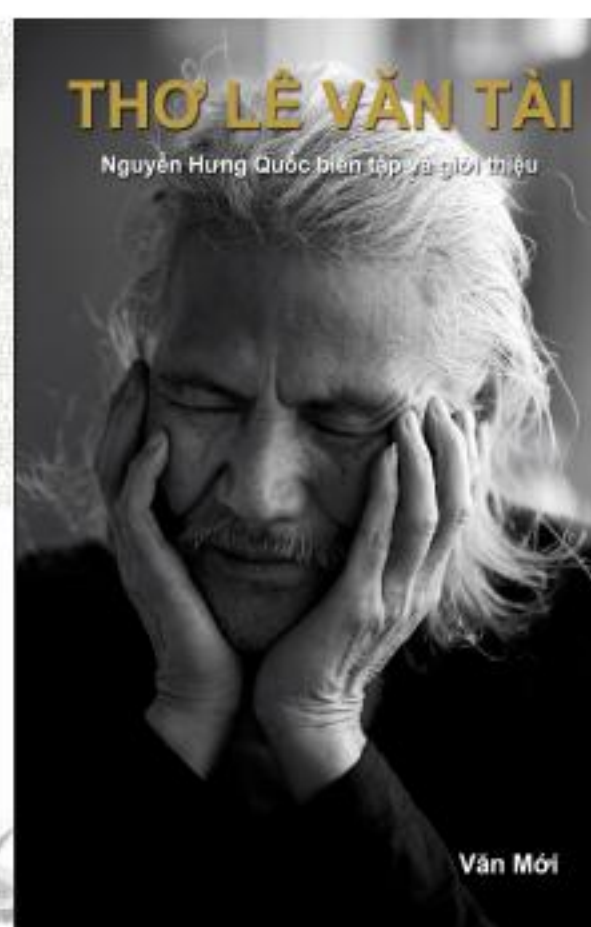
Ở bất cứ lĩnh vực nào, tác giả cũng đi từ lý thuyết đến thực hành. Về lý thuyết, bao gồm những quan điểm mới nhất về thực hành, bao gồm những bài làm và bài tập rất cụ thể cho từng nội dung giảng dạy.

Cuốn sách hữu ích không những cho các thầy cô giáo dạy tiếng Việt mà còn cho cả phụ huynh - những người tự dạy tiếng Việt cho con cái ở nhà - cũng như cho những người yêu thích tiếng Việt nói chung.



Sống trên cái gạch nối giữa Việt và Úc, tôi không phải là kẻ rơi bỏ quê hương. Tôi chỉ rơi bỏ một mảnh đất và mang cả quê hương theo với mình. Cái quê hương ấy, với tôi, như vậy, là một quê hương bị giải kinh thổ hóa (deterritorialized). Nó không có tính địa lý. Nó chỉ còn là một ký ức, nhưng, nghịch lý thay, đó lại là một thủ ký ức có tính địa lý, có thể được gọi là địa du ký ức (geography of memory). Khi được hình dung như một thủ địa du, ký ức bỗng có kích thước thật và mệnh mong hơn hẳn: Nó trở thành một thủ quê hương khác của tôi [20]. Hệ quả là: Không phải tôi sống với ký ức. Mà là sống trong ký ức. Ký ức không ở trong tôi. Ký ức bao trùm lấy tôi. Ký ức rộng hơn bản thân tôi. Ký ức, với người khác, có tính trừu tượng, với tôi, có tính vật thể; với người khác, là quá khứ, với tôi, vẫn là hiện tại. Tôi sống trong tình trạng xuyên thời gian (trans temporality) và xuyên lịch sử (trans history) liên tục.

Với Việt Nam, trong địa du ký ức và trong tình trạng xuyên thời gian và xuyên lịch sử như thế, tôi vẫn giữ được cái hồn. Nhưng lại không có đất...



Hãy tìm đến với Lê Văn Tài, nhà thơ kiêm họa sĩ Úc gốc Việt. Cùng như tất cả những tác phẩm nghệ thuật sang giclée, tranh và thơ của ông sẽ làm thay đổi cách nhìn và cách đọc của bạn. Lê Văn Tài là một con người vùng vẫy giữa hai bờ, đứng chênh vênh giữa hình tượng và văn bản, giữa bầu trời và mặt đất, để mang màu đen và màu trắng vào nhau. Ông viết và vẽ những hình ảnh đẹp rợn người.

Trong thơ của ông, ông phát ngôn như một sinh vật lạ lung hiện ra trung điệp trên những tấm bố vẽ của ông, đó là "con chim di cư". Ông gieo những hạt mầm từ Việt Nam lên kinh đô của chúng ta. Ngôn ngữ của ông tạo nên một sự giao thoa giữa hai quê hương khi ông mở một lộ trình giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

Đây là lời hành văn chim muông và đầy trực cảm của một nghệ sĩ đa cảm chất vào nghiệp viết. Ngôn từ và hình ảnh, ngôn từ và động thái, không lúc nào ngưng di chuyển. Nhưng bài thơ cụ thể vượt ra khỏi thế loại của chúng bởi vì những hình thái mà chúng tạo ra không chỉ đứng yên một chỗ mà lại khiến cho ngôn ngữ chuyển động, róc rỗng.



UYEN PHUONG and **BERKLEE** jazz band's Concert

It's official now, please mark your calendar! . You are cordially invited to join me and BERKLEE JAZZ BAND from Boston, MA at Lac Cam Lounge in OC on **Friday, February 28, 8.30pm**. Guest singers are VAN QUYNH, JENNY SWOISH and VU with special appearance of cellist **LASZLO MEZO**. This show promises lots of new songs with new arranging. Please come to enjoy a night of jazz, funk and contemporary music with us.

Tickets will be on pre-sale only: \$50 VIP and \$40 regular (max seating capacity 110 only)

Hope to see you all there on February 28th!



VAN QUYNH



VU



JENY

LAC CAM 15041 MORAN STREET #103, WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683 **(714) 891-8885**

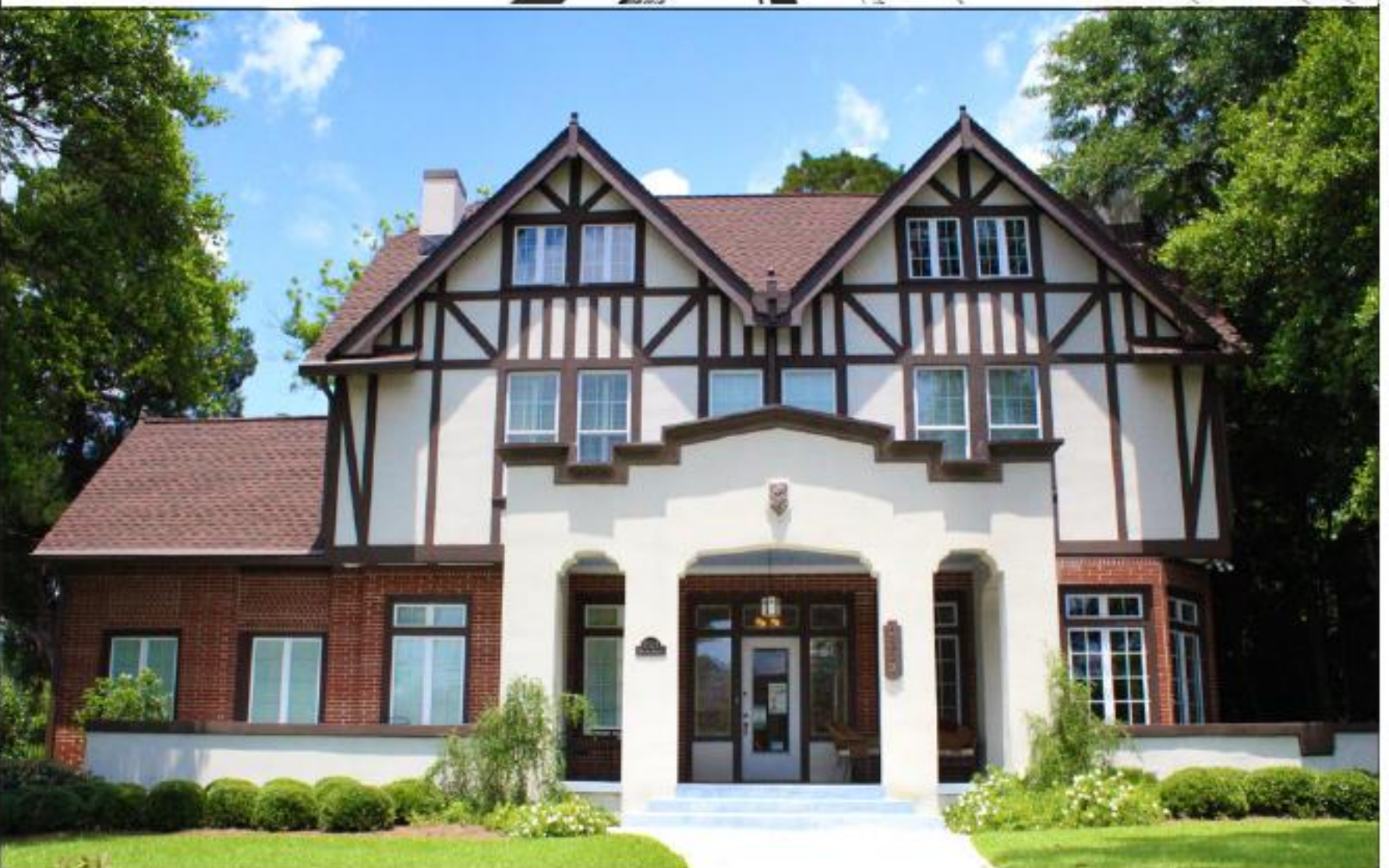


XÂY NHÀ,
NHÀ HÀNG,
PHÒNG MẠCH BẮC SĨ,
NHÀ SĨ,
VĂN PHÒNG,
REMODEL
VÀ CỘNG THÊM PHÒNG
...

HUY LE

Lic.# 877698

714.209.8180



**GREAT TIME FOR SELLING AND BUYING
I CAN HELP!**



BRANDON LUU
Real Estate Specialist
Lic #0151771

Just sold in your neighborhood for 97%
of listing price. Homes are in high demand.
Thinking of Selling and Buying. I can help!
If you want the most money for your home
call me, Brandon at **714.585.2268**

lBrandonluu@Gmail.Com

Kếp theo trang 23

TUỆ KIẾM: PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO

này, Phật giáo nhìn nhận là đúng trong giai đoạn khi mà ma quỷ tinh còn tra trộn vào Phật tính, nhưng nó sẽ không đúng khi thời cuộc trắng đen đã rõ rệt. Phật tính đã thắng ma quỷ tinh do thời gian đem lại.

Để kết thúc bài tiểu luận về phương pháp tranh

đấu của Phật giáo này, người Phật tử rất tin tưởng ở Phật tính sẵn có trong lòng mỗi người dân Việt. Phật tính ấy sẽ thắng tất cả, bằng Vạn thắng pháp của mình là: thắng bằng lý tưởng Phật, bằng phương pháp và phương tiện của nguồn giáo lý Phật để cung các đoàn thể bạn tiến tới việc xây

dựng một nhân loại văn minh đúng nghĩa.

THAI ĐẠO THÀNH

(Tách Xứ/ Dụng Nhân Sinh Quốc Phật Giáo của Thái Đạo Thành, tác giả học thuyết Thích Đue Nhuộm. Ấn quốc Đại Học Vạn Hạnh xuất bản lần thứ nhất 20 tháng 1, 1969)

\$50,000 CREDIT CHO DOANH NGHIỆP CỦA BẠN

Giúp doanh nghiệp có vốn để khởi nghiệp hoặc mở rộng kinh doanh một cách nhanh chóng và dễ dàng. Tuyệt đối không cần phải dùng credit của cá nhân.

Chúng tôi sẽ giúp bạn nhận được hàng chục ngàn credit cho doanh nghiệp. Khoản tín dụng này được cấp cho công ty của bạn và KHÔNG dựa vào credit cá nhân của bạn.

Bạn có thể bắt đầu được phê duyệt trong vòng mười ngày kể từ khi tham gia chương trình! Bạn sẽ có báo cáo credit doanh nghiệp đẹp mắt và trên \$50,000 credit doanh nghiệp chỉ trong thời gian thật ngắn.

BẢO ĐẢM \$50,000 CREDIT CHO MỌI TRƯỜNG HỢP

- | | | |
|-------------------------------------|---|----|
| ☒ | Công ty mới mở | OK |
| ☒ | Công ty chưa có lời | OK |
| ☒ | Không có Credit | OK |
| ☒ | Credit thật xấu | OK |
| ☒ | Từng Khai Phá Sản | OK |
| ☒ | Từng bị nhiều ngân hàng từ chối cho vay | OK |

(888) 895.8188



9741 BOLSA AVE. #217 | WESTMINSTER, CA 92683 | www.lotusfinancialcenter.com

<http://tieulun.hopto.org>



Đạo Phật và Tuổi Trẻ. Tranh màu nước trên lụa của NGUYỄN THỊ HỢP

TRAO CHO THỜI ĐẠI MỘT NỘI DUNG PHẬT CHẤT

**ẤN BẢN
ĐẶC BIỆT
MỪNG XUÂN
GIÁP NGỌ
2014**

TÀNG THÂN TRÊN MÀNG - TẠI SAO KHÔNG? - Lăng Mai • TRAO CHO THỜI ĐẠI MỘT NỘI DUNG PHẬT CHẤT - Thích Đức Nhuận • KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT GIÁO - Thích Đức Nhuận • BẾP LỬA ĐÊM THẤU - Thích Nguyễn Siêu • TÍN NGƯỞNG CÓ THỂ DUNG NƯỚC - Ngô Nhân Dụng • PHẬT TỬ VIỆT NAM: HAI YẾU TÍNH, MỘT CUỘC ĐỜI - Huỳnh Kim Quang • CHIẾN TRANH, TÌNH YÊU, HOÀI NIỆM VÀ TRUYỀN NGÂN VÔ HỒNG - Tuệ Sỹ • MƯƠI ĐINH NGƯỜI ĐỒNG NƠI XƯỞNG TÔI ĐI - Đa Từ Lê • ĐÔI VẤN THƠ THIÊN - Ngô Tinh Yên • TẾT MIỀN TÂY! - Nguyễn Đình Bón • SỮA SANG - Hoàng Long • GIỀNG NƠM, THĂNG GIỀNG HẢI LỘC, CHUNG NGỒ, NHÂN DẠY THƠ LÝ TRẦN - Nguyễn Lâm Thắng • TÔN GIÁO LÀ TÂM LÒNG NHÂN AI VÌ THA - Đoàn Thanh Liêm • HOA XUÂN - Vĩnh Hào • HÀ NỘI, NHỮNG NGÀY GIÁP TẾT - Kao Nguyễn • MÙA XUÂN, NHỚ THẦY TUỆ SỸ - Tâm Thương Đình • LÊ GIANG TRẦN • VU QUI HAO NHIÊN • VỀ QUÊ AN TẾT - Võ Ngân Sóng • TRẦN TRUNG ĐÀO • UYÊN NGUYỄN...

1

Hoa Đàm, số đặc biệt Mừng Xuân Nguyên Đán 2014 sẽ phát hành ngày 31 tháng Giêng, 2014, tức nhằm nhằm vào Mừng Một Tết năm Giáp Ngọ. Bìa do họa sĩ Nguyễn Thị Hợp vẽ với sự góp bút của nhiều văn nhân thi sĩ và bạn hữu khắp nơi trong lẫn ngoài nước. Bài vở, hình ảnh đóng góp xin gởi về tòa soạn trước ngày 20 tháng này, theo địa chỉ email: hoadamnewsletter@yahoo.com. Đồng thời Nhóm Kết Tập cũng xin thông báo, sau số thứ 11 phát hành hôm nay, báo sẽ tạm ngưng hai tuần để chuẩn bị chu đáo cho số báo đặc biệt Mừng Xuân Giáp Ngọ 2014. Rất mong quý độc giả bốn phương hoan hỷ đón đọc và hỗ trợ.

Ghi chú: Nội dung Báo Xuân trong hình chỉ mang tính phát thảo minh họa chưa cập nhật đến nay.